ĐƯỜNG LỐI NGOẠI GIAO CỦA ĐCSVN: QUA 75 NĂM VẪN "TRƯỚC SAU NHƯ MỘT"

Tôn Thất Thiện

Chủ đề của bài này

Sự kiện quan trọng nhứt về Đại Hội giữa nhiệm kỳ (Đại Hội VII-B) của Đảng Cộng Sản Việt Nam (ĐCSVN) họp trong những ngày 20-25/01/1994 là Đại Hội khẳng định "quyết tâm thực hiện thành công" nghị quết của Đại Hội VII (tháng 6, 1991)[1]. Theo nghị quyết của Đại Hội này (Đại Hội VII-A) thì Đảng "trung thành với chủ nghĩa Mác-Lê-nin", lấy chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh "làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động...", và khẳng định "kiên trì chủ nghĩa Mác-Lê-nin là vấn đề có tính nguyên tắc số một với Đảng ta".[2]

Nếu ta xét kỹ những bản cương lĩnh và quyết nghị của những đại hội của Đảng từ lúc thành lập, và đúng hơn, từ lúc ông Hồ Chí Minh "tiếp thu" chủ nghĩa Lê-nin, nghĩa là từ năm 1920, đến nay, thì ta thấy đường lối của ĐCSVN vẫn "trước sau như một", không có thay đổi, trong khi trên thế giới, kể cả ở những nước cộng sản, và cả xứ khai sinh chế độ cộng sản, là Liên Xô, đã có biết bao biến chuyển, và nhân

loại đang bước những bước lớn trên những con đường mới và theo những hướng đi mới. ĐCSVN, và nhất là nhóm lãnh đạo của nó hiện nay, cũng như một con ngựa già quen chỉ một con đường, và biết chỉ một con đường đó, hễ nghe hô "đi" là vùng chạy bon bon về hướng cũ.

Cụm từ "không có thay đổi" trên đây nên hiểu theo nghĩa là không có thay đổi căn bản, về mục tiêu và nội dung, về chiều hướng, nghĩa là về phương diện chiến lược. Về phương diện vận dụng, phương pháp, hình thức, thích ứng với cục diện và thời điểm, nghĩa là về phương diện chiến thuật, thì tất nhiên phải có thay đổi, hoặc nhiều hoặc ít, vì nguyên tắc căn bản lớn của chủ nghĩa Lê-nin là, tuy rằng nhất quyết không khi nào thay đổi mục tiêu, nhưng phải cực kỳ uyển chuyển và luôn luôn thay đổi về hình thức. Điểm này, và chủ nghĩa Lê-nin nói chung, cần được nắm vững nếu ta muốn thông hiểu ĐCSVN và tiên đoán hành động của nhóm lãnh đạo đảng đó hiện nay.

Vì lý do nêu trên, chủ đích của bài này là vạch rõ mối giây dẫn từ Liên-Xô, hiểu theo nghĩa đã trình bày ở trên, nghĩa là Cách Mạng tháng Mười, chủ nghĩa Lê-nin, Đệ Tam Quốc Tế (ĐTQT), đến Đại Hội VII-B, hay, nói một cách khác, *hướng đi chiến lược* đã được ĐCSVN lựa chọn, đặc biệt là vào dịp những đại hội toàn quốc của Đảng, và động lực chính của Đảng đó, trong 75 năm qua. Chính sách ngoại giao, thuộc về lãnh vực chiến thuật và thủ đoạn cục bộ và nhứt thời, chỉ là một khía cạnh của vấn đề này, một mảnh trong cái khung khái quát, sẽ không là chủ đề và không được cứu xét một cách chi tiết trong bài này.

Thời tạo lập ĐCSVN: 1920-1930

Trong lịch sử ĐCSVN, giai đoạn 1920-1930 là giai đoạn của ông Hồ. Đồ đệ ông coi ông "là người cộng sản Việt Nam đầu tiên ... người học trò ưu tú nhứt của Lê-nin"[3], và "người đã sáng lập, tổ chức, giáo dục và lãnh đạo Đảng ta", và "chiến sĩ gương mẫu trong phong trào cộng sản quốc tế"[4]. Ông cũng được báo chí Nga sô tôn vinh là "Cominternshik" (cán bộ nòng cốt và đắc lực của ĐTQT), người cán bộ Á đông duy nhất được vinh dự đó[5]. Từ 1923 đến 1930, là người Việt Nam duy nhất làm viên chức cao cấp của ĐTQT và được cơ quan đó tin dùng, ông đã hết mình phục vụ cơ quan đó, nghĩa là hoạt động cho mục tiêu cách mạng thế giới. Với tư cách, tư thế và sứ mạng đó, ông đã truyền nhập chủ nghĩa và đường lối cộng sản vào Việt Nam bằng cách thâu nạp môn đệ và huấn luyện họ để họ cũng phục vụ cách mạng thế giới một cách hăng say và hữu hiệu như ông. Một điều căn bản mà ông Hồ đã dạy môn đệ ông trong ĐCSVN rất kỹ lưỡng ngay từ đầu, và được những người này hấp thụ và thi hành triệt để, là phải bám sát vào Liên Xô, chủ nghĩa Lê-nin, và ĐTQT.

Ngay từ khóa huấn luyện những đảng viên đầu tiên ở Quảng Đông trong những năm 1925-1927, trong những bài giảng dạy, sau này góp thành tập *Đường Kách Mệnh*, ông Hồ nói học thuyết và chủ nghĩa về cách mạng thì nhiều, "nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê-nin". Ông nhấn mạnh rằng trong ba cuộc cách mạng đã xảy ra trong lịch sử cách mạng thế giới, cách mạng Mỹ là "cách mệnh tư bản", cách mạng Pháp thì "chưa đến

nơi", và "chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi". "Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cho cách mệnh thành công thì ... phải theo chủ nghĩa Mã-khắc-tư và Lê-nin" và "phải nhờ đệ tam quốc tế". Ông Hồ giải thích rằng "Đệ tam quốc tế chủ trương đạp đổ tư bản làm thế giới cách mạng"; "Đệ tam quốc tế là một Đảng cộng sản thế giới. Các đảng các nước như là chi bộ, đều phải nghe theo kế hoạch và quy tắc chung. Việc gì chưa có mệnh lệnh và kế hoạch đệ tam quốc tế thì các đảng không được làm". Và trả lời câu hỏi Cách Mệnh Việt Nam nên theo Quốc Tế này hay không, ông Hồ trả lời: "Nên lắm. Cách mệnh Việt Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới."[6]

Trong "Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng Sản Việt Nam", do ông ta thảo ra, ông Hồ nói: ĐCSVN tổ chức ra với mục đích "tranh đấu để tiêu trừ tư bản đế quốc chủ nghĩa, làm cho thực hiện xã hội cộng sản"; ai muốn được vào Đảng phải "tin theo chủ nghĩa cộng sản, chương trình Đảng và Quốc Tế cộng sản...", và trách nhiệm của đảng viên là "phải thực hành cho được chánh sách và nghị quyết của Đảng và Quốc Tế cộng sản"[7]. Sau khi thành lập được đảng, trong "lời kêu gọi", ông tuyên bố là ông đã "nhận chỉ thị của Quốc tế cộng sản giải quyết vấn đề cách mạng ở nước ta".[8]

Ở đây cần đề cập đến một điểm mà ít ai nhắc tới hay biết đến, nhưng có tầm quan trọng đặc biệt trong vấn đề thông hiểu đường lối chính sách ngoại giao của ĐCSVN. Đó là trong "Năm điều lớn" mà ông Hồ nêu ra tại Hội nghị thành lập Đảng (3-7 tháng 2, năm 1930) có điều sau đây: "Cử một ban Trung Ương lâm thời gồm 9 người, trong đó có hai đại

biểu chi bộ cộng sản Trung Quốc ở Đông dương". Theo chú thích của tài liệu ĐCSVN về "Năm đều lớn" này thì ông Hồ đưa ra đề nghị này "với tư cách là Ủy viên Bộ phương Đông, phụ trách Cục phương Nam của Quốc Tế Cộng Sản"[9]. Phần khác, Luận cương chính trị đầu tiên của Đảng được thông qua vào tháng 10 năm 1930 nhấn mạnh "vô sản Đông dương phải liên lạc mật thiết với vô sản thế giới", và trong công tác "Đảng phải liên lạc mật thiết với Đảng cộng sản Pháp, Trung Quốc và Ấn Độ.[10]

Trên đây là những đều căn bản và nguyên tắc chỉ đạo cho ĐCSVN từ ngày thành lập cho đến ngày nay, nghĩa là đến đại hội giữa nhiệm kỳ tháng giêng vừa rồi. Và nó sẽ là những căn bản và nguyên tắc chỉ đạo cho Đảng cho đến năm 1995 và ngay cả đến năm 2000 hay lâu hơn nữa. Cho nên chúng ta cần biết rõ những sự kiện này để thông hiểu những hành động của ĐCSVN trong quá khứ, và nhất là trong tương lai.

Danh từ "Liên Xô"mà lãnh tụ và các cơ quan tuyên truyền của ĐCSVN thường dùng có nghĩa trừu tượng hơn là một danh từ địa dư chính trị dùng để chỉ danh xưng của một quốc gia. Nên hiểu nó như theo nghĩa khái niệm "Cách mạng tháng Mười", chủ nghĩa lê-ni-nít, ĐTQT, hay "Tổ quốc của Chủ nghĩa xã hội". Những cụm từ này là những cụm từ ông Hồ và đồ đệ của ông dùng rất thường mỗi khi nói đến đường lối cách mạng. Do đó, muốn hiểu rõ đường lối và chính sách, đặc biệt là chính sách ngoại giao, của ĐCSVN ta phải thông suốt nội dung và hàm nghĩa của những khái niệm này. Nếu không, ta chỉ thấy bề ngoài, thấy hiện tượng mà không thấy thực tại, thấy hình thức mà không thấy nội dung, thấy hành

động hào nhoáng mà không thấy mục tiêu thực sự, nhất là thấy hành vi mà không thấy động cơ, và ta sẽ nhận xét sai. Nhận xét sai tất nhiên nhận định phải sai, và nhận định sai thì quyết định cũng sai. Quyết định sai tất nhiên hành động cũng sai luôn.

Những đoạn trên đã đề cập đến những sự kiện quan trọng nhất về liên hệ giữa ông Hồ và ĐCSVN với chủ nghĩa Lê-nin, ĐTQT, và Liên Xô (Cách mạng tháng Mười) và Đảng Cộng Sản Trung Quốc (ĐCSTQ) trong giai đoạn tạo lập Đảng, nghĩa là trong những năm 1920-1930. Trong giai đoạn này, Trung Quốc đóng một vai trò rất quan trọng, vì ĐCSTQ sinh trước ĐCSVN, vì Trung Quốc là địa bàn xuất diện và hoạt động của ông Hồ, và đồng thời là căn cứ để ĐTQT, qua ông Hồ, truyền nhập chủ nghĩa cộng sản vào Việt Nam và Đông Nam Á. Ông Hồ, là người được ĐTQT phái đến Trung Quốc với sứ mạng đặc biệt đó, ý thức điều này hơn ai cả.

Đồng thời, như ta đã thấy ở đoạn trên, ông Hồ cũng chấp nhận vô điều kiện luận thuyết của ĐTQT là *trên thế giới chỉ có một đảng cộng sản và những đảng quốc gia chỉ là chi bộ của đảng này*. Do đó, như ta được biết qua hồi ký của Nguyễn Lương Bằng, ông Hồ nhắc nhở đảng viên ĐCSVN hoạt động ở Trung Quốc rằng "một người cộng sản luôn luôn phải chấp nhận sự lãnh đạo của đảng ở nơi mà mình hoạt động"[11]. Riêng về phần ông ta, theo tiết lộ của nhiều nhân vật cộng sản Liên Xô và Việt Nam, trong đó có Hoàng Văn Hoan, một đảng viên cao cấp và người thân tín của ông, trong thời gian hoạt động ở Trung Quốc và ở Đông Nam Á trong những năm

1924-1927 và 1928-1930, ông luôn luôn thỉnh ý của ĐCSTQ.[12]

ĐẠI HỘI II (1951)

Hoành Văn Hoan cũng là người cho ta biết rất nhiều chi tiết quan trọng bổ túc những hành vi của ông Hồ và của ĐCSVN trong giai đoạn 1950 trở đi. Giữ kiện then chốt của giai đoạn này là đại hội toàn quốc lần thứ hai của ĐCSVN, tháng hai năm 1951. Đây là một dịp cho Đảng ấn định đường lối chính sách của Đảng ở một thời điểm mới.

Đường lối này được ông Hồ công bố qua Báo cáo chính trị ngày 11-02-1951. Theo báo cáo này, Việt Nam công khai đi con đường Mác-Lê-nin và đứng hẳn về phe Liên Xô trong một thế giới chia thành hai phe rõ rệt: "Phe dân chủ do Liên Xô lãnh đạo" và "Phe phản dân chủ do Mỹ cầm đầu". Trong tình trạng này, sự lựa chọn của ông Hồ rất rõ ràng dứt khoát. Ông nói: "Việt Nam là một bộ phận của phe dân chủ thế giới. Hiện nay lại là một đồn lũy chống đế quốc, chống phe phản dân chủ do Mỹ cầm đầu". Tình hình thế giới "dính dáng mật thiết" với Việt Nam, và "thắng lợi của phe dân chủ cũng là thắng lợi của ta, mà ta thắng lợi phe dân chủ thắng lợi". Nhìn lui lại 50 qua, ông thấy diễn biến "quan trọng nhất"của thời gian đó là Cách mạng Nga thành công. Sau đó Lê-nin xây dựng Quốc Tế Cộng Sản, và vô sản thế giới, cách mạng thế giới "thành một đại gia đình mà Đảng ta là một trong những con út của gia đình ấy."[13]

Cũng trong dịp nầy ông Hồ công khai gọi Liên Xô là "thành trì của cách mạng thế giới" và "Tổ quốc của xã hội chủ nghĩa", cùng xác định nội dung một khái niệm rất quan trọng và sẽ có ảnh hưởng quyết định về thế giới quan của những người Việt Nam theo cộng sản, và về sự định hướng đường lối và ấn định chính sách của ĐCSVN, đặc biệt là về ngoại giao. Đó là khái niệm "tinh thần yêu nước chân chính".

Danh từ quan trọng ở đây là *"chân chính"*. Ông Hồ xác định rằng tinh thần "yêu nước chân chính" khác hẳn với tinh thần "vị quốc"của bọn đế quốc phản động. Nó là một bộ phận của "tinh thần quốc tế"[14]. Song song với tinh thần "yêu nước chân chính" là tinh thần "quốc tế vô sản trong sáng". Đây chỉ là hai mặt dính liền của một khái niệm, hai khía cạnh của hành vi, một điều mà ông Hồ không ngớt nhắc nhở đàn em. Quan điểm này là một trong những quan điểm chủ chốt của chủ nghĩa Lê-nin, đã được Lê-nin dùng làm căn bản cho chủ nghĩa quốc tế vô sản của ông ta, và một nguyên tắc chỉ đạo chính của ĐTQT.

Lê-nin đòi hỏi *ai muốn theo cộng sản phải tuyệt đối từ bỏ tinh thần quốc gia*. Ở đây cần nhấn mạnh rằng, trong những tuyên bố của họ hướng về công chúng, lãnh đạo ĐCSVN luôn luôn đề cập đến "tinh thần yêu nước" của những người cộng sản, và quả quyết đó là động lực thúc đẩy họ trong công cuộc "cứu nước dựng nước". Họ không nhắc đến khái niệm "chân chính", hiểu theo nghĩa mà ông Hồ, theo Lê-nin, đã ghép cho nó. Chỉ trong những tài liệu hướng dẫn và giảng dạy nội bộ họ mới nhấn mạnh, và rất mạnh, điểm này. Ví dụ, sách giáo

khoa chương trình cao cấp của Trường Cao Cấp Nguyễn Ái Quốc, ấn hành năm 1986, đã khai triển điểm này như sau:

> "... dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, cách mạng ở mỗi nước không thể không đặt mình trong đội quân của cách mạng thế giới, không thể không coi mình là một bộ phận gắn bó mật thiết của cách mạng thế giới.
>
> Có nắm vững mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng nước mình với cách mạng thế giới thì mới có thể đề ra đường lối chiến lược, sách lược đúng đắn, mới có thể giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế. *Lê-nin đã từng căn dặn: khi lợi ích bộ phận mâu thuẫn với lợi ích toàn bộ, khi lợi ích dân tộc mâu thuẫn với lợi ích quốc tế, thì phải biết hy sinh lợi ích dân tộc, đặt lợi ích quốc tế lên trên. Trong chỉ đạo cách mạng, Đảng ta thực hiện nghiêm túc lời chỉ dẫn đó của Lê-nin.*"[15] (Tác giả nhấn mạnh)

Một đặc điểm khác của Đại Hội II (1951) cần được chú ý là sự quan hệ giữa ĐCSVN và ĐCSTQ. Đoạn trên đã có đề cập đến vai trò hậu cần và chỉ đạo của ĐCSTQ đối với ông Hồ trong hoạt động của ông ta nhân danh là ủy viên của Bộ Đông Phương của ĐTQT trong những năm 1924-1927 và 1928-1930. Từ 1950 trở đi, không những ông Hồ, mà toàn bộ ĐCSVN, sẽ phải chịu ảnh hưởng trực tiếp của ĐCSTQ. Ảnh hưởng này rất lớn và rất bao quát, có tính cách chỉ đạo, và có thể nói là có tính cách chỉ huy. Tất nhiên tình trạng này phải được lãnh tụ Liên Xô, là Stalin, chấp nhận.

Thật ra, không những Stalin, một người có tiếng là thâu ôm quyền lực, chấp nhận sự kiện này, mà, theo tiết lộ của Hoàng Văn Hoan, trong buổi hội đàm tay ba - Liên Xô, Trung Quốc và Việt Nam - tại Mạc Tư Khoa trong chuyến du hành bí mật đến Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa của ông Hồ vào đầu tháng giêng năm 1950 để xin công nhận ngoại giao và viện trợ, chính ông ta (Stalin) là người giao cho ĐCSTQ trách nhiệm phụ trách về ĐCSVN .[16]

Hậu quả của quyết định của Stalin là đặt ĐCSVN vào vòng ảnh hưởng trực tiếp của ĐCSTQ. Theo tinh thần yêu nước "chân chính" và tinh thần quốc tế vô sản "trong sáng" của chủ nghĩa Lê-nin, và theo quy chế của ĐTQT, ĐCSVN bị đặt dưới sự lãnh đạo và chi phối của ĐCSTQ, vì đảng này là một đảng "đàn anh", sinh trước ĐCSVN, là đảng của một nước lớn, và thêm nữa, được Stalin giao cho quyền lãnh đạo ở Á Đông.

Các văn kiện của ĐCSVN thường nhắc đến sự kiện dân Việt Nam bị "một cổ hai tròng" (Pháp và Nhựt) trong những năm 1941-1945. Nay, tình trạng đó lại là tình trạng của Đảng. ĐCSVN cũng mang hai tròng: ĐCSLX và ĐCSTQ. Nhưng đó là Đảng tự nguyện như thế. Nếu ta ghi thêm sự kiện là theo quy chế của ĐTQT, ĐCSVN thuộc thẩm quyền ĐCS Pháp trong Ban Tây Âu và Nam Mỹ, thì thực sự ĐCSVN một cổ mang một lúc ba tròng.

Dù sao, vì là thành phần, và là một thành phần "tốt", của ĐTQT - theo ý muốn của ông Hồ - nên trong những năm

1950 trở đi ĐCSVN bị lệ thuộc nặng vào ĐCSTQ. Sự lệ thuộc này có hai hậu quả chính.

Một, là ĐCSVN đi cùng hướng và cùng nhịp với ĐCSTQ trong đường lối "chiến tranh giải phóng" cực đoan chống đế quốc, đặc biệt là chống Hoa Kỳ, về ngoại giao, và đường lối "dân chủ mới", theo mô hình Trung Quốc, nghĩa là độc tài kiểu Mao Trạch Đông, về nội vụ. Chủ trương "dân chủ mới" được Mao đề ra từ năm 1940, được áp dụng triệt để ở Trung Quốc từ 1949, và đưa vào Việt Nam từ 1950 trở đi. Còn đường lối "chiến tranh giải phóng" cực đoan là đường lối ĐCSTQ đưa ra tại Hội Nghị Công Đoàn Thế Giới ở Bắc Kinh tháng 10, 1949 để thúc dục các dân tộc thuộc địa và bán thuộc địa dùng đường lối đó nổi lên tấn công đế quốc, nhất là Hoa Kỳ. Đường lối này sẽ đưa đến quyết định của ông Hồ tuyên bố: ngoài Pháp, Việt Nam có "thêm một kẻ địch chính nữa" là Mỹ. [17] Riêng Trung Quốc, nó sẽ đưa đến chiến tranh Triều Tiên và đối đầu với Hoa Kỳ trong hơn 20 năm.

Trong khung cảnh bài này không thể đi vào chi tiết. Chỉ cần trích một vài đoạn của hồi ký của Hoàng Văn Hoan để độc giả thấy rõ rằng trong những năm 1950, vì tinh thần yêu nước "chân chính" và tinh thần quốc tế vô sản "trong sáng", thêm vào cái tròng ĐCSLX, ĐCSVN lại mang cái tròng ĐCSTQ rất nặng. Hoàng Văn Hoan viết:

> "... ở Đại Hội lần thứ hai của Đảng lại nâng cao tầm quan trọng của việc học tập kinh nghiệm của cách mạng Trung Quốc và tư tưởng Mao Trạch Đông thành *một nhiệm vụ cho toàn Đảng*, bằng *cách ghi rõ vào*

trong điều lệ mới của Đảng một đoạn như sau: "Đảng Lao Động Việt Nam lấy học thuyết của Mác. Ăng-ghen, Lê-nin, Stalin và tư tưởng Mao Trạch Đông kết hợp với thực tế cách mạng Việt Nam làm nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam của tất cả mọi hành động."[18] (Tác giả nhấn mạnh)

Hoàng Văn Hoan bình luận rằng đó là "một việc đặc biệt", thể hiện của "tình hữu nghị chiến đấu khăng khít" giữa hai nước Việt-Trung "như môi với răng". Ông ta nhắc lại sự kiện trên mặt báo *Nhân Dân* ngày 11-3-1951, dưới chân dung của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin" là chân dung của Stalin và Mao Trạch Đông". Ông ta viết tiếp:

"Và trong bức điện Đại Hội thành lập Đảng Lao Động Việt Nam gởi Đảng Cộng Sản Trung Quốc có đoạn nói: Đảng Lao Động Việt Nam nguyện noi gương anh dũng Đảng Cộng Sản Trung Quốc, học tập tư tưởng Mao Trạch Đông, tư tưởng lãnh dạo nhân dân Trung Quốc và các dân tộc Á Đông trên con dường độc lập và tự chủ.

"Kinh nghiệm của cách mạng Trung Quốc và tư tưởng Mao Trạch Đông dã ảnh hưởng khá sâu rộng trong Đảng và trong cuộc chiến dấu của nhân dân ta dể bảo vệ Tổ Quốc. Trong bài giới thiệu quyển Kháng chiến nhất dịnh thắng lợi của anh Trường Chinh trên báo *Nhân Dân* ngày 02-01-1956 có đoạn nói: "Đảng có dường lối chính trị và dường lối quân sự dúng dắn, *lấy chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Mao Trạch Đông làm nền tảng*[19]. (Tác giả nhấn mạnh).

Ông Hoan cũng ghi rằng Tướng Võ Nguyên Giáp đã viết (trong báo *Nhân Dân* ngày 07-05-1964):

> "Từ năm 1951 trở đi, sau cách mạng Trung Quốc thắng lợi, quân đội và nhân dân ta càng có điều kiện học tập những kinh nghiệm quý báu của Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc, học tập tư tưởng quân sự Mao Trạch Đông. Đó là một yếu tố quan trọng giúp vào sự trưởng thành nhanh chóng của quân đội ta, góp phần vào những thắng lợi liên tiếp của quân ta, đặc biệt trong chiến dịch Thu Đông năm 1953-1954 và trong chiến dịch Điện Biên Phủ vĩ đại..."[20]

Tình trạng hữu nghị và thân thiết "như môi với răng" này sẽ được duy trì đến đại hội III của ĐCSVN (tháng 9 năm 1960), tuy rằng, như quyển Bạch Thư về 30 năm bang giao Việt-Trung được công bố năm 1979 tiết lộ, giữa hai phía có những bất đồng ý kiến về Hội Nghị Genève tháng 7 năm 1954.[21] Nhưng vì tinh thần yêu nước "chân chính" và tinh thần quốc tế vô sản "trong sáng" ĐCSVN đã phải làm theo ý muốn của ĐCSLX lẫn ĐCSTQ. [22]

ĐẠI HỘI III (1960)

Đại Hội III của Đảng Lao Động Việt Nam (ĐLĐVN) - tên mới của ĐCSVN khi đảng này bắt đầu lộ diện cộng sản - là dịp cho ông Hồ, một lần nữa, và mạnh hơn nữa, xác định vị trí của ĐCSVN trong khối cộng sản và sự quan hệ mật thiết của ĐCSVN với hai đàn anh, là ĐCSLX và ĐCSTQ. Nhưng đồng thời ông nhấn mạnh Liên Xô là lãnh tụ của khối cộng sản. Trong diễn văn khai mạc Đại Hội ông nói:

"Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của lực lượng hòa bình dân chủ, xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa là một thành viên trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên Xô vĩ đại.

Chúng ta có nhiệm vụ giữ vững vị trí tiền đồn của chủ nghĩa xã hội ở Đông Nam Châu Á, ra sức tăng cường lực lượng của phe xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới."[23]

Ông Hồ rất cẩn thận về việc đặt Liên Xô lên hàng đầu. Mỗi lần nói đến "đại gia đình xã hội chủ nghĩa" ông đều thêm cụm từ "đứng đầu là Liên Xô vĩ đại".[24] Trong ngôn ngữ của ĐCSVN cụm từ "bảo vệ hòa bình thế giới" có nghĩa là "chống Hoa Kỳ để bảo vệ Liên Xô". Tất nhiên ông Hồ không quên nhắc đến Trung Quốc khi nói đến "những xã hội chủ nghĩa anh em", nhưng ông luôn luôn sắp Trung Quốc sau Liên Xô. Cụm từ "đứng đầu là ... vĩ đại" chỉ dành riêng cho Liên Xô.

Ở đây cần nhắc lại là Đại Hội III tổ chức vào thời gian đang có sự căng thẳng lớn trong khối cộng sản, đặc biệt là giữa Liên Xô và Trung Quốc, vì bất đồng quan điểm về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ Đại Hội thứ 20 của Đảng Cộng Sản Liên Xô năm 1957. Lúc đó, Kroutchev công bố chủ trương quá độ lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường hòa bình và thi đua về kinh tế, trong khi ĐCSTQ chống đường lối hòa bình và hòa hoãn với Hoa Kỳ. Tại Đại Hội này, một sự đổ vỡ hoàn toàn tránh được nhờ Liên Xô và Trung Quốc chấp nhận một Tuyên Ngôn về hòa bình trong đó các

lực lượng cách mạng có thể áp dụng đường lối tấn công ở những vùng mà tư bản yếu, đặc biệt là những vùng Á-phi.

Trong cuộc tranh chấp nói trên, ĐCSVN đứng về phía ĐCSTQ, vì đứng về phía ĐCSTQ là trung thành với chủ nghĩa Mác-Lê-nin, và như Báo cáo chính trị của Ban Chấp Hành Trung Ương nhấn mạnh, "tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác-Lê-nin" là điều kiện tạo ra "sức mạnh vô địch" của Đảng.[25] Nghị quyết của Đại Hội tuyên bố:

> "Nhận định toàn diện những thành quả cách mạng đã dành được, Đại Hội kết luận rằng: *từ Đại Hội lần thứ hai đến nay, đường lối của Đảng và sự lãnh đạo của Ban Chấp Hành Trung Ương do đồng chí Hồ Chí Minh đứng đầu là đúng. Đảng ta tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác-Lê-nin...*"[26] (Tác giả nhấn mạnh)

Lời tuyên bố trên đây khẳng định ĐCSVN vẫn đi đúng đường theo chủ nghĩa Lê-nin, và ám chỉ là có người đi sai đường. Người đó là Kroutchev. Ở một đoạn khác của nghị quyết, sự kiện này được nói lên rất rõ ràng, tuy nghị quyết không nêu đích danh ông ta. Nghị quyết nói: "Là một bộ phận của phong trào cộng sản quốc tế lớn mạnh, Đảng ta ... tích cực đấu tranh bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lê-nin, kiên quyết chống chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa giáo điều."[27]

Tại đại hội này, trong Báo cáo chính trị, Lê Duẩn cũng đề cập đến những đường lối đã được Đảng chấp nhận từ lúc khai sinh, quan trọng hóa nó và sẽ áp dụng nó triệt để trong những

năm sau. Những đường lối này tiếp tục được áp dụng sau khi Lê Duẩn mất, và vẫn còn được áp dụng hiện nay. Đó là:

1) "sự đoàn kết quốc tế ... trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế vô sản ... Đảng ta luôn luôn ... coi trọng việc giáo dục chủ nghĩa quốc tế cho nhân dân ta, chống những quan điểm dân tộc chủ nghĩa của giai cấp tư sản và tiểu tư sản ... phải ra sức giáo dục cho đảng viên thấm nhuần thế giới quan Mác-Lê-nin và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa";

2) đấu tranh giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa ... trong cuộc đấu tranh nhằm giải quyết "ai thắng ai ...";

3) khéo lợi dụng những mâu thuẫn cục bộ và tạm thời trong nội bộ kẻ thù để phân hóa chúng, trung lập những thế lực có thể trung lập, tạo thêm điều kiện cho lực lượng cách mạng phát triển và chiến thắng".[28]

Năm 1960 cũng là năm mà các đảng cộng sản thế giới họp tại Mạc Tư Khoa đưa ra một Tuyên Ngôn xác nhận quan điểm của Tuyên Ngôn của ĐCSLX tại Đại Hội 1957. Căn cứ trên tuyên ngôn này Lê Duẩn gạt bỏ đường lối hòa bình và thi đua kinh tế của Kroutchev, ca ngợi Stalin, và đưa ra luận thuyết về "cách mạng tiến công"trong tình trạng thế giới chia thành hai phe và các nước đế quốc ở thế yếu ở các vùng Á-Phi.

Trong một bài nói chuyện tại Hội Nghị lần IX của BCHTƯ Đảng tháng 12 năm 1963 về đề tài "Một vài vấn đề

trong nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta" Lê Duẩn đả kích những luận thuyết mà ai cũng biết là luận thuyết của Kroutchev. Lê Duẩn nhắc nhở đảng viên "không bao giờ được quên rằng, về nguyên tắc và căn bản thế giới vẫn chia làm hai hệ thống: xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa..." Do đó mà "đặc điểm của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trong thời đại hiện nay là ... cuộc đấu tranh giữa hai con đường: con đường phát triển tư bản chủ nghĩa và con đường phát triển không tư bản chủ nghĩa." Theo ông ta,

> "chiến lược cách mạng không phải ở thế phòng ngự ... chiến lược cách mạng nên là chiến lược tiến công ... phá tan toàn bộ kế hoạch gây chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc do Mỹ cầm đầu, nhằm đánh lui từng bước và đánh đổ từng bộ phận chủ nghĩa đế quốc, đi đến thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa đế quốc."

Cũng trong dịp này Lê Duẩn gắt gao đả kích đường lối Kroutchev chủ trương. Ông ta nói rằng thực hành một chiến lược phòng ngự trong thời kỳ lực lượng so sánh trên thế giới đã thay đổi có lợi cho phe xã hội chủ nghĩa, như "một số người" - n.l. Kroutchev - đã nghĩ "là từ bỏ cách mạng"; nếu chỉ thi đua xây dựng kinh tế là "từ bỏ thế tiến công địch là đi vào thế bị động chờ thời... làm tổn hại cho phong trào cách mạng". Lê Duẩn cho rằng "cách mạng không phải ở thế phòng ngự, chiến lược cách mạng không nên là chiến lược phòng ngự". Và ông ta nhắc đến Stalin, người mà "trong lý luận cũng như trong thực tiễn... đã thực hiện một cách trung thành và phát triển tư tưởng (về cách mạng vô sản) của Lê-nin." Tại Đại Hội lần XIX của ĐCSLX, Stalin đã đưa ra lời

kêu gọi như "tiếng kèn thúc dục chúng ta tiến ra mặt trận." Và cuối cùng Lê Duẩn lên án Kroutchev là phản cách mạng với lời phê phán:

> "Trong thời đại mà cơn bão táp cách mạng đã nổi lên rồi, đang làm cho chủ nghĩa đế quốc sụp đổ từ mảnh này đến mảnh khác, mà nói đến tranh thủ hòa hoãn với chủ nghĩa đế quốc để xây dựng kinh tế, cho đấy là yêu cầu cao hơn tất cả, thì dù muốn hay không, kết quả cũng chỉ có thể làm kìm hãm sức tiến lên của cách mạng"[29]

Những điểm trên đây được làm nổi bật vì nó là những đường hướng được Lê Duẩn vạch ra cho Đảng và không những sẽ được chính ông ta áp dụng triệt để cho đến khi ông ta mất (tháng 7 năm 1986), mà còn được Đảng tiếp tục áp dụng sau đó, mãi cho đến ngày nay. Nhưng ai đã nghiên cứu kỹ chủ thuyết Lê-nin thì sẽ thấy rằng những gì Lê Duẩn nêu ra, ngay cả trong những tác phẩm dài dằng dẵng có vẻ thâm thúy và độc đáo của một đại tư tưởng cách mạng, chỉ là những luận thuyết và chủ trương của Lê-nin về cách mạng (đặc biệt là *Que faire ?* và *Le gauchisme, maladie infantile du communisme*) được nhai đi nhai lại, tuy rằng ta đã phải công nhận là ông ta rất thuộc bài.[30]

Có ba điểm nữa cũng cần được nhấn mạnh. Một là đường lối trên đây là đường lối của ĐCSTQ chủ trương và Mao Trạch Đông, nhân danh bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Lê-nin, dùng để tố cáo sự "phản bội" của Kroutchev và ban lãnh đạo Liên-Xô. Nguyên do thật của sự tố cáo này là sự tranh giành ảnh hưởng giữa Nga và Trung Quốc, trong cương

vị quốc gia trên địa bàn địa lý chính trị (géopolitique), chớ không phải là ý thức hệ cộng sản. Nhưng chỉ đến năm 1970, và nhất là sau năm 1975, lãnh đạo ĐCSVN mới thấy rõ điều này.

Hai là tuy Lê Duẩn đả kích "một số người" chủ trương chủ nghĩa xét lại, mà ai cũng hiểu là Kroutchev và ban lãnh đạo Liên Xô, nhưng, như đã giải thích ở đầu bài này, "Liên Xô" ở đây phải hiểu theo nghĩa trừu tượng là tiêu biểu cho Cách Mạng tháng Mười, chủ nghĩa Lê-nin, và ĐTQT, và Lê Duẩn vẫn kêu gọi đảng viên triệt để trung thành với chủ nghĩa và đường lối cách mạng Mác-Lê-nin. Sự trung thành sẽ được khẳng định lại tại Đại Hội IV của Đảng (tháng 12 năm 1976), và nhất là ở Đại Hội V (tháng 3 năm 1982).

Điểm thứ ba, liên quan mật thiết với điểm thứ hai, là sự chỉ trích và lên án vừa nêu ở trên đây chỉ nhắm Kroutchev và phe "xét lại" chớ không nhắm vào Liên Xô, nơi phát xuất của Cách mạng tháng Mười và chủ nghĩa Lê-nin, và sau khi Kroutchev bị lật đổ (tháng 10, năm 1964) thì liên hệ mật thiết giữa ĐCSVN và ĐCSLX không những được tái lập mà còn sâu đậm hơn trước. Đó là vì Brejnev, người kế vị Kroutchev, theo đuổi một đường lối đối đầu với Hoa Kỳ, ngược với đường lối Kroutchev.

Về phía ĐCSVN, đó cũng là cơ hội cho ông Hồ giải thích thêm tại sao ông đã "hoàn toàn tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba",[31] và nhắc nhủ nhân dân Việt Nam "phải tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản" và "con đường thắng lợi của Cách mạng Việt Nam chính là theo con đường

của Cách mạng tháng Mười Nga, mà Lê-nin vĩ đại đã vạch ra cho nhân dân lao động toàn thế giới". Vào dịp này, ông cũng tái khẳng định rằng Việt Nam là một "tiền đồn của phe xã hội chủ nghĩa ở Đông Nam Á".[32]

Với cán bộ cao cấp của Đảng ông Hồ giải thích rằng cuộc chiến đấu của dân Việt Nam là "*một nhiệm vụ quốc tế*... Nếu chúng ta thắng ở miền Nam tức là chúng ta đã đè được lực lượng xâm lăng Mỹ, đó là ta *góp phần vào cách mạng thế giới*. Vì vậy, ta quyết chiến, quyết thắng ở miền Nam chẳng những vì nhiệm vụ của ta, mà còn là *nghĩa vụ của ta đối với cách mạng thế giới*."[33] Và với đại biểu Quốc Hội ông nói nhân dân Việt Nam "*có trách nhiệm và vinh dự đứng trên tuyến đầu của nhân dân thế giới*" chống đế quốc Mỹ xâm lược vì độc lập và thống nhất của Việt Nam và "*vì an ninh phe xã hội chủ nghĩa*". Đó là "một sứ mạng nặng nề tuy vô cùng vẻ vang".[34] Tưởng cũng nên ghi ở đây là những mục tiêu và quan điểm trên đây là mục tiêu và quan điểm mà đa số người Việt ủng hộ Việt Minh năm 1945 và đấu quân chống Pháp những năm 1946-1954 hoàn toàn không hề nghĩ đến. (Tác giả nhấn mạnh)

ĐẠI HỘI IV (1976)

Đại Hội IV là đại hội là dịp tổng kết những thành quả của những thập niên qua của toàn thể sự nghiệp cách mạng của Đảng, nhưng trong bầu không khí thắng trận, của kẻ thắng trận và say sưa về thắng trận.

Trong Báo cáo chính trị Lê Duẩn nói

"sự thắng lợi tháng 4 năm 1975 là một sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào con đường lịch sử như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, *một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn* có tính cách thời đại sâu sắc ... [Đảng đã] làm tròn sứ mệnh thiêng liêng đối với Tổ quốc và *nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình* ... Với những chiến công hiển hách ấy, nhân dân ta xứng đáng *đứng vào hàng các dân tộc tiên phong* tranh đấu cho những lý tưởng đẹp đẽ của *loài người*, góp phần tích cực thúc đẩy tiến trình cách mạng *thế giới* ... đã trở thành một đảng Mác-Lê-nin lớn mạnh, *một đội ngũ kiên cường của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế*."[35] (Tác giả nhấn mạnh)

Sự thắng lợi đó là "thắng lợi của chiến lược tiến công", của "một quá trình liên tục giữ vững thực hành chiến lược tiến công ... thắng từng bước ... đẩy lui địch từng bước ..."[36] Lê Duẩn giải thích rằng một điều quan trọng nữa trong đường lối tiến công này là "biết lợi dụng mâu thuẫn địch để phân hóa, cô lập địch". Trong một bài trình bày trước Ban Chấp Hành Trung Ương, ông ta nói:

"Cả nước Việt Nam nhất định sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội, nhưng trong buổi đầu, chúng ta chỉ đề ra mục tiêu thực hiện một miền Nam "độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ Quốc". Với mục tiêu hạn chế ấy ... Đối với các nước láng giềng Đông Nam châu Á, chúng ta làm cho bầu bạn ta hiểu rằng nhân dân Việt Nam ... không chủ trương "xuất khẩu cách mạng", "xuất khẩu chủ nghĩa

xã hội" sang các nước khác. Vì thế chúng ta đã tranh thủ được các lực lượng trung lập đứng về phía ta và làm cho thuyết domino của Mỹ dần dần mất tác dụng."[37]

Lê Duẩn ghi nhận sự giúp đỡ "to lớn"của Liên Xô "đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của nhân dân ta. Chúng ta biết ơn Liên Xô ... nói cho con cháu đời đời ghi nhớ công ơn đó."[38] Về Trung Quốc ông ta chỉ đề cập đến một cách gián tiếp, và nói rằng "để không cho địch mở rộng chiến tranh bằng bộ binh ra miền Bắc ... chúng ta không nhận quân tình nguyện nước ngoài ... bằng cách đó ... giữ vững được hòa bình cho phe ta."[39] "Địch" ở đây là Hoa Kỳ, "quân tình nguyện nước ngoài" là quân Trung cộng, và "giữ hòa bình cho phe ta" là tránh cho Liên Xô khỏi bị kéo vào vòng chiến. Về phần viện trợ rất lớn và có tính cách quyết định của Trung Quốc (20 tỷ đô la và khí giới và quân trang đủ trang bị cho 2 triệu quân), như Hoàng Văn Hoan đã tiết lộ trong hồi ký của ông ta. Lê Duẩn chỉ nói phớt qua.[40]

Chiến thắng lớn lao và dễ dàng thường tạo tâm lý kiêu binh và mất thận trọng. Đó là tâm lý của Lê Duẩn và lãnh đạo ĐCSVN. Theo Lê Duẩn, với chiến thắng 1975, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đã có "một sức mạnh tổng hợp vượt quá lực lượng của chủ nghĩa đế quốc". Ưu thế ấy cứ theo thời gian mà tăng lên "một cách chắc chắn, không gì ngăn cản được". Sức mạnh của chủ nghĩa xã hội "là vô địch", và "hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ngày nay ... là nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người".[41]

Khi tuyên bố điều này, Lê Duẩn không có một ý niệm gì hết về sự kiện thập niên 1970-1980 là thập niên mà Liên Xô đang tụt hậu trầm trọng về kinh tế và kỹ thuật so với các nước tiên tiến Tây Phương, và ý thức về sự tụt hậu này sẽ buộc Gorbatchev đề ra *perestroika, glasnost*, đưa đến sự tan rã nhanh chóng của khối cộng sản Âu Châu và, cuối cùng, đến sự giải thể toàn bộ của ngay cả Liên Xô, "thành trì vững chắc" của cách mạng thế giới và của khối xã hội chủ nghĩa "vô địch".

Lẽ ra thì Lê Duẩn và ban lãnh đạo ĐCSVN phải thông hiểu sự bấp bênh của tình hình hơn ai cả, vì họ đã trải qua một cuộc khủng khoảng cực kỳ trầm trọng tương tự do sự đối đầu giữa Liên Xô và Trung Quốc gây ra từ năm 1957. Sau năm 1970 cuộc đối đầu đó trở nên vô phương giải quyết sau khi lãnh đạo ĐCSTQ tuyên bố Liên Xô là "kẻ thù số một của Trung Quốc", và khởi đầu chính sách hòa hoãn và hợp tác với Hoa Kỳ. Chính sách mới này được thể hiện qua cuộc Trung Quốc tiếp rước Tổng Thống Nixon một cách ngoạn mục, và sự công bố "Tuyên cáo Shanghai" vào tháng 2 năm 1972.[42] Họ cũng thừa biết rằng sức mạnh "vô địch"của phe xã hội chủ nghĩa tùy thuộc trong thực tế có một "phe" như vậy không, và điều kiện có một "phe" như vậy - sự đoàn kết chặt chẽ giữa hai thành viên lớn nhất của khối này, ĐCSLX và ĐCSTQ - thì lại không có.

Đó là mối ưu tư lớn của ông Hồ, và trước khi từ giã thế gian để về với "các Cụ" (Marx và Lê-nin) trong di chúc của ông, ông đã lưu ý môn đệ về tầm quan trọng của sự kiện này. Điều này được ghi nhận trong Báo cáo chính trị. Báo cáo nói:

"Trong cuộc đấu tranh nhằm giải quyết "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới, việc khôi phục và củng cố đoàn kết trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, trong phong trào cộng sản và công nhân thế giới trên cơ sở chủ nghĩa Mác-Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản là vấn đề có ý nghĩa cực kỳ quan trọng."[43]

Thật ra, chiến thắng quá dễ dàng làm cho ban lãnh đạo ĐCSVN mù quáng và quên rằng trong những năm 1968-1975 ĐCSTQ đã cố gắng kềm hãm họ trong vụ xâm chiếm miền Nam vì Mao Trạch Đông muốn đi đến một sự thỏa hiệp với Hoa Kỳ để đương đầu với Liên Xô. Năm 1979, sau khi bang giao Việt-Hoa đổ vỡ và đưa đến chiến tranh giữa hai nước, ĐCSVN đã tiết lộ nhiều chi tiết để tố cáo những mưu đồ của ĐCSTQ đối với Việt Nam trong suốt 30 năm trước đó trong quan hệ giữa hai đảng.[44] Phần khác, bang giao giữa Liên Xô và Trung Quốc vẫn căng thẳng, và quan hệ giữa hai đảng, bị gián đoạn từ năm 1961, vẫn chưa được bình thường hóa. Những sự kiện này, cộng với những diễn biến xảy ra sau năm 1976, tạo ra một tình thế mới, với những vấn đề mới. Giải quyết những vấn đề này đòi hỏi những nhận định mới và đường lối mới. Đó là trách nhiệm của Đại Hội V (tháng 3 năm 1982).

ĐẠI HỘI V (1982)

Nếu Đại Hội IV diễn ra trong một bầu không khí liên hoan và lạc quan về tương lai thì Đại Hội V diễn ra trong một bầu

không khí khủng khoảng và lo âu. Những vấn đề cần giải quyết là những vấn đề lớn và khó. Về nội vụ, chính sách "cải tạo xã hội chủ nghĩa" và trừng phạt "ngụy" áp dụng gắt gao ở miền Nam gây xáo trộn lớn về xã hội và nhất là về kinh tế. Chính sách trả thù và cải tạo đó, cùng thái độ hung hăng của chính quyền cộng sản, khiến Hoa Kỳ từ chối viện trợ Việt Nam trong công cuộc tái thiết. Tranh chấp với Trung Quốc về quần đảo Hoàng Sa và Tây Sa, về biên giới, và về quy chế người Việt gốc Hoa gây xung khắc lớn giữa hai quốc gia và khiến Trung Quốc cũng cắt viện trợ. Hậu quả của những sự kiện này là kế hoạch kinh tế ngũ niên 1976-1981 hoàn toàn thất bại.[45] Tranh chấp với Kampuchia về biên giới, nhưng thực ra là về ĐCSVN đòi ĐCS Kampuchia phục tùng mình, đưa đến chiến tranh với quốc gia này cùng với Trung Quốc cuối năm 1978 đầu năm 1979. Hậu quả tổng hợp của những dữ kiện trên đây là đẩy ĐCSVN sâu vào lệ thuộc ĐCSLX.

Trong Báo cáo chính trị của Chính Trị Bộ (CTB) do Lê Duẩn trình bày, hai lãnh vực chính là kinh tế và ngoại giao. Riêng về ngoại giao ĐCSVN bị đặt trước một tình thế "mới" là nhân dân Việt Nam có "một kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm" mới: đó là "tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Trung Quốc" mà bản chất là "phản cách mạng". Họ là "những kẻ theo chủ nghĩa bành trướng và chủ nghĩa bá quyền đại Hán", những kẻ "phản bội" và "đồng minh mới" của đế quốc Mỹ.[46] Báo cáo nói Đảng ta đã nhận thấy "giấc mộng bá quyền" của những người lãnh đạo Trung Quốc "từ những năm kháng chiến chống Mỹ".

Nếu ta so sánh thái độ và ngôn ngữ vừa mô tả của CTB ĐCSVN với thái độ và ngôn ngữ của họ tại những đại hội trước thì ta thấy là mỉa mai và ly kỳ. Khó tưởng tượng có thể có một sự quay hướng 180 độ như thế được. Nhưng nếu đứng về khía cạnh "trung thành tuyệt đối" với chủ nghĩa Mác-Lê-nin và Cách mạng tháng Mười thì không có gì thay đổi, không có vấn đề đổi hướng. ĐCSVN vẫn tự hào rằng mình vẫn giữ đúng hướng, vẫn "trung thành vô hạn" với chủ nghĩa Mác-Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản trong khi ĐCSTQ đã "phản cách mạng"và "chống chủ nghĩa xã hội", cũng như trong những năm 1957-1964, ĐCSVN cho rằng mình là người cách mạng vẫn giữ vững tinh thần quốc tế vô sản "trong sáng" trong khi Kroutchev đã kìm hãm cách mạng.

Trong tình trạng "mới" nói trên, lần này, cũng như trong những năm 1957-1964, ĐCSVN vẫn có "chỗ dựa vững chắc". Chỗ dựa đó là ĐCSLX, lúc này cũng vẫn chưa bình thường hóa được bang giao với ĐCSTQ. Cho nên không có gì lạ trong việc Lê Duẩn tuyên bố mạnh mẽ:

> "Thắt chặt tình hữu nghị và mở rộng quan hệ hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên cơ sở chủ nghĩa Mác-Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa *là vấn đề hàng đầu* trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta .....
> .....
>
> "*Đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô luôn luôn là hòn đá tảng của chính sách đối ngoại của Đảng và của Nhà nước ta.* Vì lợi ích của nhân dân hai nước, *từ nay về sau, chúng ta tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn nữa tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác toàn*

diện Việt Nam - Liên Xô. Chúng ta coi đó là một bảo đảm cho thắng lợi của công cuộc bảo vệ Tổ Quốc [chống Trung Hoa] và xây dựng xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta, cũng như cho việc củng cố độc lập dân tộc và vị trí của chủ nghĩa xã hội trên bán đảo Đông dương; đồng thời đó là một đóng góp tích cực vào việc củng cố và tăng cường hệ thống xã hội chủ nghĩa, tăng cường cuộc đấu tranh vì hòa bình (n.l. vì Liên Xô) và chủ nghĩa xã hội *trên thế giới.*

"*Gắn bó chặt chẽ và hợp tác toàn diện với Liên Xô là nguyên tắc chiến lược* đồng thời là tình cảm cách mạng. Đảng ta có nhiệm vụ giáo dục các thế hệ người Việt Nam nắm vững nguyên tắc này, thấu suốt *chiến lược* này, biến thành một động lực mạnh mẽ đưa sự nghiệp cách mạng của chúng ta đến toàn thắng"[47]. (tác giả nhấn mạnh)

Đoạn trên đây được trích với đầy đủ chi tiết để làm sáng tỏ một điểm rất quan trọng trong sự thấu hiểu đường lối ngoại giao của ĐCSVN trong suốt hơn 10 năm từ 1982 đến nay, qua hai Đại Hội rưỡi, và sẽ tiếp tục cho đến năm 2000, và sau đó nữa.

Nhưng, đồng thời, cũng nên nhấn mạnh rằng, theo Báo cáo, đường lối chiến lược ngoại giao đó là "*chính sách đối ngoại lê-ni-nít do đồng chí Hồ Chí Minh đề xướng và kiên trì, và Đảng đã thực hành trong "hơn nửa thế kỷ hoạt động" của Đảng* "trong tất cả thời kỳ phát triển của cách mạng Việt Nam". Nó "*kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng*", đó là nguyên

nhân thắng lợi của Đảng, và đồng thời bảo đảm cho nhân dân ta "*góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới*"[48]. (Tác giả nhấn mạnh)

Sự "gắn bó chặt chẽ và hợp tác toàn diện" với Liên Xô được thể hiện trong viện trợ kinh tế qui mô trong những năm 1976-1991 - tổng cộng khoảng 14-15 tỷ đô-la, trung bình 2 tỷ mỗi năm-, yểm trợ quân sự mạnh mẽ cụ thể hóa bằng Hiệp Ước hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam và Liên Xô (3-11-1978), ngăn cản Trung Quốc đánh lớn, sâu, và lâu vào Việt Nam, và cho Việt Nam khả năng "làm nghĩa vụ quốc tế", tấn công Kampuchia và thiết lập "khối Đông Dương" gồm ba nước Việt Nam, Kampuchia và Lào. Sự lệ thuộc Việt Nam đối với Liên Xô được thể hiện qua sự Việt Nam gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế - CMEA - (27-6-1978), và chấp nhận cho Liên Xô xử dụng Vụng Cam Ranh. Những diễn biến này có tính chất chiến thuật hơn là chiến lược nên không cần xét một cách chi tiết ở đây.

Một điều cần nhấn mạnh là lãnh đạo ĐCSVN sẽ tiếp tục và bám chặt vào đường lối trên đây. Do đó, Đại Hội VI (tháng 12 năm 1986) là một phản ảnh của Đại Hội lần XXVII của ĐCSLX, và Đại Hội VII (tháng 6 năm 1991) vẫn tiếp tục tung hô những khẩu hiệu quen thuộc tuy rằng chỉ hai tháng sau đó chế độ cộng sản ở Nga giải thể và Liên Xô không còn trên bản đồ thế giới nữa.

ĐẠI HỘI VI (1986)

Những người cộng sản Việt Nam luôn luôn nói đến Đại Hội VI như là một diễn biến có một tầm quan trọng hết sức lớn, khởi điểm của một hướng đi hoàn toàn mới của Đảng. Nhưng thực ra, như Cách mạng tháng Tám là con đẻ Cách mạng Nga, "đổi mới" của ĐCSVN cũng chỉ là con đẻ của *perestroika* của Gorbatchev.

Trong lời phát biểu tại Đại Hội, Trường Chinh tuyên bố rằng đại hội này là đại hội của "đổi mới ... phải đánh dấu sự đổi mới của Đảng ta về tư duy, về phong cách ..."[49], và "đó cũng là xu thế tất yếu của thời đại được thể hiện nổi bật trong những tư tưởng của Đại Hội lần thứ XXVII của Liên Xô ...". Trong một bài về "Cách mạng tháng Mười và Cách mạng Việt Nam" nhân dịp kỷ niệm 70 năm Cách mạng tháng Mười, Nguyễn Văn Linh viết:

> "Được sự cổ vũ to lớn của Đại Hội XXVII Đảng cộng sản Liên Xô và của công cuộc cải tổ ở Liên Xô, Đại Hội thứ VI Đảng cộng sản Việt Nam nêu cao tinh thần đổi mới, vận dụng tinh thần phê phán của triết học mác-xít để nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật... "[50]

Tưởng cũng nên ghi ở đây rằng nhân dịp viếng thăm Liên Xô tháng 6 năm 1986, Lê Duẩn đã được Gorbatchev thông báo về *perestroika* năm tháng trước khi đường lối mới này được chính thức công bố ở Nga, và sau đó, Trường Chinh và Lê Duẩn đều được Gorbatchev giải thích về đường lối mới

của ĐCSLX. Không biết trong những buổi đàm thoại với Lê Duẩn (tháng 6 năm 1986), Trường Chinh (tháng 8 và 10 cùng năm) và Nguyễn Văn Linh (tháng Năm, 1987), Gorbatchev đã trình bày đường lối *perestroika* của ông ra sao. Nhưng căn cứ trên những tuyên bố của ông trước các cơ quan của ĐCSLX thì ta thấy rằng chính ông ta cũng muốn cứu chủ nghĩa xã hội và xứ sở Liên Xô của ông ra khỏi một "tình trạng đình trệ", và ông tin rằng áp dụng chủ nghĩa lê-ni-nít là phương thức thích hợp để thực hiện mục tiêu đó. Điều này rất rõ trong bài phúc trình của ông cho Trung Ương ĐCSLX và Quốc Hội Liên Xô ngày 2 tháng 11 năm 1987 về vấn đề *perestroika* với đề tài "Tháng Mười và Perestroika: cuộc cách mạng tiếp tục". Bài đó bắt đầu với câu: Phần chính yếu của ưu tư và công tác của chúng ta ngày nay, nhiệm vụ và bổn phận của chúng ta ngày nay là đẩy chủ nghĩa xã hội tiến lên và phát huy những lý thuyết và thực hành của chủ nghĩa Lê-nin và Cách mạng tháng Mười", và kết thúc với câu: "Chúng ta không khi nào từ bỏ chủ nghĩa cộng sản".[51]

Những lời nêu trên đây rất hợp ý ban lãnh đạo ĐCSVN. Nhưng nó cũng làm cho họ có nhiều ảo tưởng. Cho nên những người này đã có một nhận định sai lầm rất lớn về vấn đề này. Vì "trung thành vô hạn" với chủ nghĩa Lê-nin, họ chấp nhận điều kiện nguyên tắc dân chủ tập trung, nhắm mắt tin vào sự anh minh của ĐCSLX và lãnh tụ của nó, vào sự sáng suốt của Gorbatchev và sự nhậy bén của *perestroika*, và hoàn toàn không nghĩ đến khả năng thất bại.

Lãnh đạo ĐCSVN rất lạc quan về tình hình hiện tại cũng như về tương lai. Báo cáo chính trị nhận định như sau:

"Trong những năm tới, cách mạng nước ta tiếp tục phát triển trong bối cảnh quốc tế có nhiều sự biến đổi.

Các lực lượng cách mạng thế giới đang không ngừng mạnh lên và rõ ràng ở thế chủ động, tiến công. Lực lượng mọi mặt của hệ thống xã hội chủ nghĩa, do Liên Xô làm trụ cột, ngày càng được tăng cường. Đại Hội lần thứ XXVII Đảng cộng sản Liên Xô mở ra một giai đoạn mới có tính chất bước ngoặc, giai đoạn phát triển năng động trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội trên đất nước Xô Viết. Với chiến lực đẩy nhanh kinh tế xã hội, nền kinh tế xô viết đang chuyển mạnh sang hướng phát triển theo chiều sâu nhằm thực hiện những mục tiêu to lớn trong những năm còn lại của thế kỷ XX.

Hệ thống xã hội chủ nghĩa tiến vào giai đoạn phát triển mới với chất lượng mới. Những thành tựu của cộng đồng xã hội chủ nghĩa ... là nhân tố quyết định thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong sự tranh đua giữa hai hệ thống chính trị xã hội đối lập trên thế giới".[52]

Ở một đoạn khác, Báo cáo nói Cương lĩnh của Đại Hội XXVII của ĐCSLX là "một mẫu mực của sự vận dụng sáng tạo học thuyết mác-sít-lê-ni-nít".[53] Trong nhãn quang của những người đã mục kích những biến chuyển trên thế giới từ lúc bức tường Bá Linh bị đập bể đến nay, những nhận định trên thật là vớ vẩn. Lúc đó Nguyễn Văn Linh chưa được bầu làm Tổng Thư Ký thay Lê Duẩn (mất mấy tháng trước) và Báo cáo này do Trường Chinh đọc. Nhưng ông tân Tổng Thư

Ký Nguyễn Văn Linh cũng không kém lạc quan. Theo ông ta thì

> "Đại Hội XXVII của Đảng cộng sản Liên Xô đã kế tục và nêu cao tinh thần đổi mới và sáng tạo của Lê-nin và của Cách mạng tháng Mười. Đại Hội đã xuất phát từ thực tế khách quan hiện nay của tình hình trong nước và trên thế giới, đưa ra những nhận thức mới, phát triển sáng tạo học thuyết Mác-Lê-nin trên tất cả vác lĩnh vực quan trọng nhất, soi sáng con dường di lên của thời đại và của chủ nghĩa xã hội. Điều đó giúp chúng ta hiểu sâu sắc hơn về thời đại, về con dường hiện tại và tương lai của chủ nghĩa xã hội cùng với các quy luật khách quan của nó."
>
> .....
>
> Cuộc cải tổ dược tiến hành ở Liên Xô là cuộc cách mạng toàn diện và triệt để ... chắc chắn có giá trị lý luận và thực tiễn đối với chủ nghĩa xã hội thế giới. Cải tổ ở Liên xô do tính chất và quy mô của nó, thực tế là một sự nghiệp hoàn toàn mới, nó có ảnh hưởng to lớn và tác dộng sâu sắc đến tiến trình cách mạng thế giới...
>
> .....
>
> Sự dổi mới tư duy một cách sâu sắc nhất của Đảng cộng sản Liên Xô thể hiện nổi bật ở việc làm phong phú quan niệm của Lê-nin về thời dại, về những vấn đề chủ yếu của thời dại..."[54]

Cũng như Trường Chinh, Nguyễn Văn Linh tin chắc rằng đặc điểm của thời đại là "sự lớn mạnh chưa từng có của lực lượng xã hội chủ nghĩa trên thế giới, nòng cốt là Liên Xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, đang quyết định chiều hướng

phát triển của xã hội loài người", và đường lối cải tổ của Đại Hội XXVII "là câu trả lời đúng đắn" đối với những thách thức gay gắt hiện nay đang đặt ra trước Liên Xô và chủ nghĩa xã hội.[55] Cho nên không lạ gì khi họ ôm chặt lấy "đổi mới" và Liên Xô, trong niềm tin rằng, với "đổi mới", Đại Hội VI là "một bước ngoặc có ý nghĩa quyết định trong việc tăng cường sức mạnh của Đảng ..." và "một cuộc cải tổ rộng lớn, có ý nghĩa cách mạng sâu sắc, chắc chắn sẽ tạo ra biến đổi to lớn trong một thời gian không xa."[56]

Riêng về ngoại giao, Báo cáo chính trị tuyên bố:

> "Tăng cường đoàn kết và hợp tác *toàn diện* với Liên Xô *là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.* Liên Xô, Tổ quốc của V.I. Lê-nin vĩ đại, quê hương của Cách mạng tháng Mười ... là biểu tượng sáng ngời của sức mạnh và tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội và quốc tế xã hội chủ nghĩa. Đảng ta, một lần nữa, bày tỏ sự *ủng hộ hoàn toàn chính sách đối nội và đối ngoại* được thông qua tại đại hội lần thứ XXVII của Đảng cộng sản Liên Xô, *ủng hộ hoàn toàn Cương lĩnh* của Đảng cộng sản Liên Xô..."[57]
> (Tác giả nhấn mạnh)

Ngoài việc Liên Xô cam kết bảo vệ Việt Nam chống Trung Quốc với Hiệp ước hữu nghị Việt-Xô ngày 3 tháng 11 năm 1978, nhân dịp Nguyễn Văn Linh dẫn một phái đoàn đại biểu ĐCSVN viếng thăm Liên Xô vào tháng 5 năm 1987 Liên Xô còn hứa sẽ gia tăng gấp bội viện trợ kinh tế cho Việt Nam. Do đó, Nguyễn Văn Linh ghi nhận "bước phát triển mới" này trong bang giao Việt-Xô và nhấn mạnh rằng ĐCSVN *"coi sự*

hợp tác và sự giúp đỡ của Liên Xô là cốt lõi của chiến lược kinh tế đối ngoại của Việt Nam ...", và tuyên bố rằng trong 70 năm qua Liên Xô là "*nguồn cổ vũ và là chỗ dựa đáng tin cậy* của những người cách mạng", và "từ trước đến nay, những người cộng sản và nhân dân Việt Nam đều ghi nhận một chân lý là ... không có Liên Xô và sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô ... thì Việt Nam không dành được độc lập hoàn toàn, thống nhất đất nước và đi lên xã hội chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa." Cho nên "uống nước nhớ nguồn", ĐCSVN "đời đời ghi nhớ công ơn to lớn của Cách mạng tháng Mười và của Liên Xô vĩ đại đối với Cách mạng Việt Nam và nhân dân Việt Nam."[58]

Những lời tuyên bố trên đây vừa quá độ, vừa quá sớm, lãnh tụ của ĐCSLX đang chuẩn bị một cuộc đổi hướng ngoạn mục.

SỰ TAN RÃ CỦA "HÒN ĐÁ TẢNG" LIÊN XÔ VÀ ĐẠI HỘI VII (1991)

Chỉ một năm sau cuộc thảo luận "nhất trí" tháng 5 năm 1987 giữa Gorbatchev và Nguyễn Văn Linh có những bằng chứng rõ ràng về thay đổi lớn về đường hướng của Liên Xô. Bằng chứng cụ thể về thay đổi đường hướng này thể hiện trong một đợt hội giữa đại biểu ĐCSVN và ĐCSLX. Theo thông lệ, trước khi đưa cương lĩnh ra trình Đại Hội Toàn Đảng, TƯ-ĐCSVN trình cương lĩnh này cho TƯ-ĐCSLX duyệt phê. Do đó, tháng 5 năm 1988 TƯ-ĐCSVN cử một phái đoàn gồm 12 đại biểu cao cấp do Nguyễn Đức Bình cầm đầu mang

dự thảo Cương lĩnh Đại Hội VII sang Mạc Tư Khoa gặp một phái đoàn Liên Xô gồm 13 tiến sĩ và do Bikênin, tổng biên tập tạp chí *Người Cộng Sản* cầm đầu. Phái đoàn Liên Xô chỉ trích bản dự thảo Cương lĩnh của ĐCSVN một cách nặng nề và thẳng thừng. Theo phúc trình mật của Nguyễn Đức Bình cho TƯ Đảng, phái đoàn Liên Xô cho rằng một số quan điểm ĐCSVN đưa ra "quá sớm"(như quan điểm nói chủ nghĩa xã hội đóng vai trò quyết định của nhân loại), hoặc " quá lạc quan và không phù hợp với thực tế" (như quan điểm nói lực lượng của hệ thống xã hội chủ nghĩa do Liên Xô làm cột trụ đã đạt được một bước phát triển mới cả chiều rộng lẫn chiều sâu), "không đúng"(như chủ nghĩa tư bản giẫy chết), "đặt sai ưu tiên"(như quan điểm nói đến nhu cầu đấu tranh "ai thắng ai"), "chệch hướng vào chủ nghĩa xã hội kiểu trại lính" (như quan điểm về bạo lực cách mạng) v.v... Nói chung, họ khuyến cáo ĐCSVN phải tìm một con đường "thích hợp với thực tế hơn", và muốn giải quyết nghèo đói phải "tránh lập lại kinh nghiệm đau đớn của Liên Xô".[59]

Tuy vậy, những quan điểm của ban lãnh đạo ĐCSVN vẫn không thay đổi và được lập lại tại Đại Hội VII-A (tháng 6 năm 1991). Báo cáo chính trị của BCHTU tại Đại Hội này vẫn tuyên bố "quyết tâm theo đuổi đến cùng" con đường dẫn đến xã hội chủ nghĩa, "kiên trì chủ nghĩa Mác-Lê-nin là vấn đề có tính nguyên tắc số một đối với Đảng ta ...", và "không chấp nhận con đường nào khác". Về Liên Xô, Báo cáo ghi nhận "lòng tin cậy và sự ủng hộ mạnh mẽ" của ĐCSLX và nhân dân Liên Xô, và tuyên bố rằng "trước sau như một" Đảng sẽ "tăng cường đoàn kết hợp tác với Liên Xô ..."[60]

Điều đáng ghi ở đây là Nguyễn Văn Linh đọc Báo cáo này vào ngày 24 tháng 6 năm 1991. Trước đó, cuộc gặp gỡ thượng đỉnh Gorbatchev-Reagan cuối tháng 12 năm 1989 ở đảo Malte đã đánh dấu sự chấm dứt chiến tranh lạnh, cuộc du hành của Gorbatchev ở Hoa Kỳ trong năm 1990 đã nói lớn thực tâm và nhất quyết của ông ta trong vấn đề thực hiện đường lối *glasnost* và *perestroika*, quyền lực đã chuyển từ TƯ ĐCSLX qua Quốc Hội Liên Xô, và nhất là chỉ hai tháng sau thì ĐCSLX bị giải tán sau cuộc đảo chính hụt của nhóm cộng sản bảo thủ (tháng 8 năm 1991), và bốn tháng sau (tháng 12 năm 1991) ngay cả Liên Xô cũng bị giải thể.

Hậu quả không thể tránh được của những biến chuyển trên là ĐCSLX, "nguồn cổ vũ và chỗ dựa đáng tin"của ĐCSVN, không còn nữa. Hải quân và không quân Nga rút khỏi Cam Ranh. Hiệp ước "hữu nghị"(quân sự) tuy trên lý thuyết còn hiệu lực đến 1998, nhưng nó được ký với Liên Xô, mà nay Liên Xô giải thể rồi, thì trên thực tế nó chỉ có giá trị một mảnh giấy. Hội đồng tương trợ kinh tế (CMEA) giải tán, viện trợ Nga chấm dứt. Cái "cốt lõi của chiến lược kinh tế đối ngoại" của ĐCSVN, viện trợ của Liên Xô, tiêu biến. Cái mốc chính yếu của chủ thuyết Lê-nin đã làm cho ông Hồ khóc lên và "hoàn toàn tin tưởng" vào Lê-nin và ĐTQT năm 1920 khi ông đọc thấy Lê-nin quả quyết rằng một nước như Việt Nam có thể bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội vì có ĐCS đàn anh Nga trợ giúp nay thành ảo tưởng. Bây giờ làm sao đây để tiến lên chủ nghĩa xã hội ? Không tiến được thì phải dừng lại ? Hay lùi ?

Sự tiêu vong của Liên Xô trên đây được Đại Hội VII-B ghi nhận, nhưng chỉ một cách gián tiếp, với sự từ bỏ những câu sáo mà ĐCSVN hằng ca trong những năm qua. Trong Báo cáo chính trị của BCHTU, Đỗ Mười, người thay Nguyễn Văn Linh ở chức vụ Tổng Thư Ký, và cũng là Tổng Thư ký đầu tiên của ĐCSVN không được công du Liên Xô hàng năm, và không được tiếp rước chính thức ở điện Kremlin, chỉ đề cập đến Nga với mấy chữ: "Duy trì và thúc đẩy quan hệ hợp tác vốn có với Liên Bang Nga, các nước thuộc Liên Xô trước đây, và các nước Đông Âu."

Lãnh đạo ĐCSVN đã lấy đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô làm "hòn đá tảng" của chính sách ngoại giao của Đảng vì họ tin tưởng mãnh liệt rằng khối cộng sản "đứng đầu là Liên Xô vĩ đại" là một lực lượng vô địch và đang dẫn đầu nhân loại trên đường đi đến chủ nghĩa xã hội trong khi tư bản đang rẫy chết. Do đó, sự phá vỡ bức tường Bá Linh và những biến chuyển tiếp theo đó - sự sụp đổ của các nước cộng sản Đông Âu, và, cuối cùng, sự tiêu vong của ĐCSLX và sự giải thể của Liên Xô làm cho họ kinh ngạc và dao động lớn. Những nhận định tình hình của Đảng đều ghi nhận điều đó.

Sau sự giải thể ĐCSLX vì vụ đảo chính hụt 17-8-1991 Đỗ Mười thú nhận rằng tình hình Đông Âu và Liên Xô "tác động mạnh vào nội bộ Đảng khiến cho ý chí chiến đấu của một bộ phận đảng viên đã sút kém càng giảm sút hơn".[61] Ngay cả một người cộng sản kiên cường như Đào Duy Tùng cũng phải thú nhận rằng "sự tan rã nhanh chóng"của nhiều nước xã hội chủ nghĩa "làm cho một số người choáng váng, dao động,

mất đi lòng tin vào chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng nhiều năm".[62]

Tất nhiên, lãnh đạo của Đảng phải tìm hiểu và đưa ra những biện giải thích nghi tại sao có sự sụp đổ như vậy, để trấn an hàng ngũ, và ngay cả chính mình, đồng thời để xác định thế giới quan làm nền tảng cho đường lối ngoại giao của Đảng trong tình thế mới này.

Giải thích của lãnh đạo ĐCSVN về sự sụp đổ của Đông Âu và Liên Xô có thể chia thành hai loại. Loại thứ nhất cho rằng nguyên do của sự sụp đổ đó là kẻ địch đã thực hành hữu hiệu "diễn biến hòa bình" nhờ lợi dụng tình trạng chủ quan mất cảnh giác do "phá hoại, phản bội từ bên trong", mà thủ phạm chính yếu là "trào lưu cơ hội ... đồng minh tự nhiên của chủ nghĩa đế quốc", gây ra. Nhận xét này, do Trung tướng Đoàn Chương trình bày, phản ảnh quan điểm của giới lãnh đạo quân đội.[63] Nhưng nó cũng là quan điểm của một số lãnh đạo cốt cán của Đảng, như Đặng Xuân Kỳ, viện trưởng Viện Nghiên Cứu Mác-Lê-nin. Theo ông này, "tình trạng thoái trào" của khối xã hội chủ nghĩa do "tấn công điên cuồng" của những thế lực thù nghịch cùng "bọn cơ hội xét lại, những kẻ phản bội đầu hàng" gây ra.[64]

Vì lý do dễ hiểu, lãnh đạo ĐCSVN không thể công khai lên án đích danh Gorbatchev, nhưng họ không ngăn cản cán bộ ở cấp thấp hơn làm chuyện đó. Ví dụ, Nguyễn Phú Trọng, một giáo sư về môn sử, viết trong tạp chí của Trung Ương Đảng, cho rằng lý do của suy sập là "ngay ở sự hoạt động, vận động của bản thân ĐCSLX mà nòng cốt là một số người

lãnh đạo chủ chốt của Đảng (nghĩa là Gorbatchev); và Khổng Doãn Lợi, một chuyên viên cấp cao của Viện Mác-Lê-nin, đề cập đến "những cơ hội đủ màu sắc ... quan niệm rằng sự phát triển bây giờ không cần đến cách mạng nữa", không do dự viết: "chẳng ai khác mà chính ông Gorbatchev ... người thuyền trưởng con tàu CCCR đang chìm xuống biển ... đã đưa ra lập luận tương tự"và đã "khuyên đại hội đảng hãy từ bỏ giáo điều về đấu tranh giai cấp".[65]

Loại giải thích thứ hai, tế nhị hơn, là phản ứng của những người không chấp nhận hoàn toàn lập luận cho rằng nguyên do của sự suy sập của Đông Âu và Liên Xô là âm mưu của chủ nghĩa đế quốc. Họ cho rằng điều đó đúng nhưng không đủ, vì như thế "là gán cho đế quốc sức mạnh mà đế quốc không có". Theo họ, Liên Xô đã phạm một loạt sai lầm như chủ quan, duy ý chí, phạm nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê-nin.[66] Nguyên do của sụp đổ là sự phủ nhận chủ nghĩa Mác-Lê-nin, đã không coi chủ nghĩa Mác-Lê-nin như là nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản. Quan điểm này được Nguyễn Phú Trọng trình bày chi tiết trong tạp chí tư tưởng của TƯ Đảng như sau:

> "Trong các văn kiện chính thức vài năm gần đây của ĐCSLX không nói đến chủ nghĩa Mác-Lê-nin như nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản mà chỉ nói kế thừa các giá trị tư tưởng của Mác Ăng-ghen, Lê-nin, đồng thời tiếp thu các nguồn khác của văn minh nhân loại. Trên thực tế là dã mắc mưu của chủ nghĩa đế quốc, của các tư tưởng chống cộng, hạ thấp, phủ nhận chủ nghĩa Mác-Lê-nin, thay đổi những nguyên

lý cơ bản bằng những luận điểm của chủ nghĩa xã hội dân chủ.

Một loạt vấn đề cơ bản của học thuyết Mác-Lê-nin đã bị "tư duy chính trị mới" làm cho sai lạc. Đặc biệt người ta xem nhẹ vấn đề đấu tranh giai cấp, nhấn mạnh những giá trị chung của toàn nhân loại; xem nhẹ chuyên chính vô sản, nhấn mạnh hòa hoãn, nhân quyền; cho rằng chủ nghĩa tư bản đã thay đổi bản chất, xét lại sứ mệnh của giai cấp công nhân; nhấn mạnh vấn đề dân tộc, xem nhẹ chủ nghĩa quốc tế; nhấn mạnh vấn đề dân chủ công khai, xem nhẹ vấn đề kỷ luật tập trung thống nhất trong Đảng ...

Từ chỗ xa rời chủ nghĩa Mác-Lê-nin, người ta (n.l. Gorbatchev) phạm sai lầm nghiêm trọng về đường lối, xa rời con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa, ngã dần sang phương Tây, đi theo con đường xã hội dân chủ, ảo tưởng trông chờ vào sự cứu mang giúp đỡ của chủ nghĩa tư bản nước ngoài. Rõ ràng sự xa rời, phủ nhận chủ nghĩa Mác-Lê-nin là nguyên nhân tệ hại dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực và làm tan rã Đảng về mặt chính trị tư tưởng".[67]

Đoạn trên đây được trích nguyên văn và toàn phần vì nó nêu ra một cách chi tiết tất cả những gì mà lãnh đạo ĐCSVN sẽ làm ngược lại sau đó, và cho đến nay. Như đã nói ở đầu bài này, Đại Hội VII-B vừa qua quyết nghị sẽ tiếp tục đường lối của Đại-Hội VII-A cho đến năm 2000 và sau nữa. Ta cần nắm vững điều này nếu ta muốn hiểu và dự đoán đường lối của ĐCSVN trong những năm tới.

Đường lối "trước sau như một" và "trung thành tuyệt đối" với chủ nghĩa Mác-Lênin sẽ dồn ĐCSVN vào thế phải chuyển hướng từ dựa vào ĐCSLX sang dựa vào ĐCSTQ. Họ sẽ bị kẹt với Trung Quốc. Như một châm ngôn Pháp nói "qui se ressemble s'assemble". Chính thức, Trung Quốc vẫn là một quốc gia xã hội chủ nghĩa theo chủ thuyết Mác-Lê-nin, và trong hiện tại, ĐCSTQ chống "diễn tiến hòa bình" một cách kịch liệt. Về phía Việt Nam, ĐCSVN, cũng kịch liệt chống "diễn tiến hòa bình". Thêm vào đó, ĐCSVN nay đã mất "chỗ dựa vững chắc" là ĐCSLX mà lại đối đầu với Hoa Kỳ, nên cần một "chỗ dựa vững chắc" khác, và chỗ dựa này chỉ có thể là ĐCSTQ vì nó là một đảng cộng sản, đảng của một nước lớn, thâm niên hơn ĐCSVN, và Trung Quốc nằm ngay trên đầu Việt Nam.

Đại Hội VII-A quyết định vẫn kiên quyết tiếp tục lấy chủ nghĩa Mác-Lê-nin làm "kim chỉ Nam"trong lý thuyết và hành động. Điều đặc biệt về kim chỉ Nam này là người đi, ĐCSVN, luôn luôn đi về hướng Bắc: hết Trung Quốc đến Liên Xô, và hết Liên Xô lại đến Trung Quốc. Chỉ vì "trung thành tuyệt đối" với chủ nghĩa Mác-Lê-nin mà ĐCSVN luôn luôn phải mang một tròng lớn quanh cổ. Lần này, như những năm 1950-1965 đã được đề cập đến ở đoạn trên, ĐCSVN lại mang tròng ĐCSTQ.

Mang tròng ĐCSTQ tất phải học bài của ĐCSTQ. Trong những năm 1950 ĐCSVN phải học bài "cải cách ruộng đất" và Mỹ là "một kẻ địch chính" của nhân dân Việt Nam. Bây giờ thì lại phải học bài "chống diễn biến hòa bình" và Mỹ lại

là kẻ địch của nhân dân Việt Nam. Trong tài liệu học tập có quyển *Bàn Về Vấn Đề Chống Diễn Biến Hòa Bình* của Đại Học Công An Nhân Dân Trung Quốc mà Nhà Xuất Bản Chính Trị Quốc Gia vừa cho dịch và xuất bản.[68] Quyển sách này chỉ để dành riêng cho cán bộ Đảng học tập. Trong lời tựa, nhà xuất bản nói họ hy vọng quyển sách này "không chỉ cung cấp cho bạn đọc những thông tin và tư liệu bổ ích, mà còn gợi mở cho chúng ta những suy nghĩ về cách phòng và chống "diễn biến hòa bình" nhằm thúc đẩy công cuộc đổi mới, bảo vệ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở đất nước ta." Điều quái gở ở đây là theo quan điểm được trình bày trong ngay bài đầu của quyển sách này là chiến lược "diễn biến hòa bình" bắt đầu từ năm 1950, và người đề ra chiến lược đó là ông Acheson, ngoại trưởng Hoa Kỳ thời Tổng Thống Truman! ĐCSVN theo đuôi ĐCSTQ thụt lùi lại 44 năm! Sách viết:

> "Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản là hai chế độ xã hội đối lập căn bản. Sự đối lập và đấu tranh giữa hai chế độ này từ trước đến nay chưa bao giờ ngừng. Các thế lực phản động quốc tế từ trước đến nay chưa bao giờ từ bỏ lập trường căn bản thù dịch và lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa. Bắt đầu từ năm 1950, sau khi bị thất bại trong cuộc can thiệp vũ trang vào các nước xã hội chủ nghĩa, chúng đã chuyển trọng điểm của chính sách sang "diễn biến hòa bình."[69]

Đường lối "trung thành tuyệt đối" với chủ nghĩa Mác-Lê-nin đòi hỏi ĐCSVN buộc dân Việt Nam phải luôn luôn mang tròng ngoại quốc, hoặc cùng hai tròng một lúc - tròng ĐCSLX và tròng ĐCSTQ - hoặc một trong hai tròng đó, và

thường xuyên sống trong tình trạng chiến tranh triền miên, hoặc nóng hoặc lạnh, với những hậu quả tai hại của nó. Nhưng nhóm lãnh đạo hiện tại của ĐCSVN có vẻ không hề dao động về nguy cơ này.

KẾT LUẬN : TỰ DIỄN BIẾN HÒA BÌNH ?

Quan điểm của những người lãnh đạo ĐCSVN hiện tại rất trùng hợp với quan điểm của lãnh đạo ĐCSTQ. Sự kiện này thể hiện rất rõ trong phản ứng của họ về sự sụp đổ của các nước cộng sản Đông Âu và Liên Xô. Họ đồng nhứt về ba điểm. Một là tuy phe xã hội chủ nghĩa đang lâm vào tình trạng thái hóa và cán cân lực lượng thế giới thây đổi bất lợi cho phe này, những sự "chuyển hóa" đó "chưa phải là tiếng nói cuối cùng, chưa phải là tiếng còi kết thúc trận đấu".[70] Nó chỉ là "một keo tạm thời" [71], và tư tưởng xã hội chủ nghĩa "vẫn tiếp tục con đường phát triển của nó, không có một lực lượng nào có thể xóa bỏ được"[72]. Hai là cuộc chiến tranh "ai thắng ai" là "một quy luật tất yếu" của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Ba là không thể từ bỏ chủ nghĩa Mác-Lê-nin được. Từ bỏ là phản bội. Trái lại, phải tiếp tục tấn công.

Trung tướng Lê Xuân Lưu viết:

> "Từ bỏ tư tưởng Mác-Lê-nin sẽ đưa đến con đường phản bội sự nghiệp của nhân dân.
>
> Ngày nay, cuộc đấu tranh tư tưởng đang diễn ra gay gắt và không khi nào ngừng trên phạm vi thế giới. Cuộc đấu tranh đó đã và đang diễn ra xoay quanh vấn

đề trung tâm của thời đại là vấn đề con đường mà nhân loại sẽ lựa chọn: chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa tư bản ? Đây là một cuộc chiến tranh không thể điều hòa và không một ai có thể trung lập, vì trong ý thức con người không hề có thể chân không. Hơn thế, thế giới quan mác-xít đòi hỏi chúng ta không phải chỉ có phòng thủ, bảo vệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa của chúng ta, mà trước hết phải chủ động tấn công vạch trần và dập tan mọi luận điểm của thế lực phản động."[73]

Ông ta cho rằng diễn biến hòa bình "là một loại chiến tranh không có khói súng", và nguyện "nhất định sẽ đánh bại mọi âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực phản động, góp phần xứng đáng vào cuộc đấu tranh tư tưởng chung của phong trào cộng sản và công nhân thế giới".[74]

Quan điểm trên đây là quan điểm được ghi vào Cương lĩnh của Đại Hội VII-A và được nhắc lại trong nghị quyết của Đại Hội VII-B. Một trong những nhiệm vụ ghi trong cương lĩnh Đại Hội VII-A "là đấu tranh kiên quyết chống âm mưu "diễn biến hòa bình"", và trong Báo cáo chính trị của Đại Hội VII-B, Đỗ Mười liệt diễn biến hòa bình vào loại "thách thức lớn" mà Đảng có nhiệm vụ khắc phục.[75]

Theo Trung tướng Lê Xuân Lựu diễn biến hòa bình, "loại chiến tranh không có khói súng", được triển khai "một cách toàn diện", tấn công vào các cơ cấu ý thức xã hội "cả chiều ngang lẫn chiều dọc".[76] Điểm này được bình luận viên chính trị của Báo *Quân Đội Nhân Dân* Phan Lang triển khai chi tiết trong một cuộc đối thoại với nhân viên ban biên tập quốc tế

của tờ báo. Theo Phan Lang, thì chủ nghĩa thực dân mới "mà tiêu biểu là thực dân mới của Hoa Kỳ" chỉ "thay hình đổi dạng" và "giấu mặt hoàn toàn", nhưng dùng tất cả thủ đoạn - "đế quốc văn hóa", "đế quốc kỹ thuật", "đế quốc kinh tế"- để thống trị các quốc gia khác. Ngay cả viện trợ kinh tế, hay cho vay nợ lãi, cũng bị coi là thủ đoạn đế quốc, "là cách tước đoạt người khác nhẹ nhàng nhất". Ông Lang nói rõ rằng quan điểm này lấy trong công trình nghiên cứu của một tác giả Trung Quốc, Quách Châu Viên, do quân đội Trung Quốc ấn hành.[77]

Những quan niệm trên đây là quan niệm theo chủ nghĩa Lê-nin thuần túy, mà Lê-nin đã đề ra cách đây hơn 70 năm. Nhưng từ bảy năm nay ĐCSVN không ngớt nói đến "đổi mới". Như Hà Sỹ Phu, một trí thức cộng sản đã suy tư nhiều về đường lối của Đảng, nhận xét: "Đổi mới [như lãnh đạo hiện tại của ĐCSVN đang làm] chẳng qua là trở về với những nguyên lý cơ bản của Mác-Lê-nin."[78] Ai thu nhận tuyệt đối chủ nghĩa Lê-nin, như ông Hồ, và theo đuôi ông, nhóm lãnh đạo hiện tại của ĐCSVN, tất nhiên phải chấp nhận thế giới quan đối đầu, "đấu tranh sinh tử cuối cùng, một mất một còn".[79] Đây là luận thuyết chiến tranh không thể tránh được giữa tư bản và cộng sản mà Lê-nin đã dùng làm căn bản cho ĐTQT.

Người cộng sản lập luận rằng còn tư bản trên thế giới thì còn chiến tranh. Nhưng ta cũng có thể đảo ngược lập luận ấy và nói rằng còn cộng sản thì còn chiến tranh. Và đường lối của ĐCSVN đã trình bày trên đây nói rõ sự kiện này. Nhóm lãnh đạo hiện nay của ĐCSVN quan niệm rằng "trước sau như

một" phải "trung thành tuyệt đối" với chủ nghĩa Mác-Lê-nin "trong sáng". Cho nên họ phải tiếp tục chiến lược "tấn công cách mạng", và quan niệm "diễn biến hòa bình" là một loại chiến tranh. Từ ngày thành lập đến nay, Đảng luân phiên chống Pháp, chống Mỹ, chống Trung Quốc. Nay họ lại cho rằng lãnh đạo ĐCSLX là phản bội, đồng thời họ vẫn tiếp tục coi Hoa Kỳ là một kẻ thù nguy hiểm, trong một chiến tranh "đổi mới" mang tên là "diễn biến hòa bình". Khi nào và nơi nào họ cũng thấy thù địch.

Nguyễn Thanh Giang, một trí thức cộng sản khác đã thắc mắc nhiều về đường lối của ĐCSVN, đặt câu hỏi sau đây về đường lối ngoại giao của Đảng:

> "... do đâu mà hơn 40 năm qua chúng ta lại phải dương đầu với quá nhiều lực lượng thù địch trên thế giới như vậy? Chúng ta không những phải đánh nhau với cái mà chúng ta gọi là "kẻ thù không đội trời chung" mà cả với những người mà mới hôm qua chúng ta xác định "tình hữu nghị đời đời bền vững"... Trong lịch sử hiện đại của nhân loại, Việt Nam là hiện tượng độc đáo nhất có lẽ là ở chỗ ta phải chiến đấu chống lại hầu hết các cường quốc trên thế giới... Vì sao mà thế giới cứ luôn luôn là đối tượng cảnh giác của ta như thế ?... Trong xu thế thế giới đã chuyển từ đối đầu sang đối thoại, lớn vởn trước mắt ta vẫn cái bóng ma "diễn biến hòa bình"... Phải chăng chính chúng ta tự "diễn biến hòa bình"?"[80]

Vả ông ta trả lời: không phải vì thiên nhiên của Việt Nam giàu đẹp; mà cũng không phải vì nhân loại muốn ỷ lại đã

giao tất cả sứ mệnh lịch sử nặng nề cho Việt Nam. "Sở dĩ chúng ta có quá nhiều kẻ thù vì chúng ta nhìn thế giới qua lăng kính đối địch... Rõ ràng là từ lâu ta đã thể hiện một nhân sinh quan không trong sáng, một thế giới quan không đúng đắn ?"[81]

Giải thích trên đây rất đúng. Lãnh đạo hiện tại của ĐCSVN đã luôn luôn, "trước sau như một", có một quan niệm đối đầu về thế giới, và có những hành vi hung hăng hiếu chiến thích nghi với quan niệm đó, vì họ là những người "trung thành tuyệt đối" với chủ nghĩa Mác-Lê-nin. Họ phải chứng minh rằng tinh thần yêu nước của mình là "chân chính" và tinh thần quốc tế vô sản của mình là "trong sáng", rằng họ không ngừng tranh đấu cho "cách mạng thế giới", luôn luôn hăng say chiến đấu trong cuộc tranh đấu giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản "ai thắng ai" để "góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới". Họ như một người nhe răng trợn mắt nhìn vào tấm gương, thấy người đối diện mình có vẻ hung hăng hiếu chiến nên mình phải lên cò súng. Họ không ý thức được rằng người hung hăng hiếu chiến ấy chính là mình! Cũng như họ không ý thức được rằng ngày nào họ còn nhứt quyết ôm chặt chủ nghĩa Mác-Lê-nin "trong sáng" và Cách mạng tháng Mười "vĩ đại" thì tư tưởng và đường lối của họ chỉ có thể là tư tưởng và đường lối đối đầu, chỉ thích hợp với tình hình trong một thế giới khác hẳn thế giới ngày nay.

Tất nhiên, về mặt chiến thuật (sách lược) họ đưa ra đường lối "đổi mới" này nọ về ngoại giao. Báo cáo chính trị Đại Hội VII-B có nói đến chính sách "rộng mở, đa dạng hóa, đa

phương hóa, tranh thủ tối đa mặt đồng, hạn chế mặt bất đồng",[82] và Ngoại Trưởng Nguyễn Mạnh Cầm có đề cập đến "chuyển hướng đối ngoại" như là "một quá trình tất yếu".[83] Nhưng Đại Hội VII-A đã giải thích rõ ràng: "Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có kết quả... bằng những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp".[84] Nhưng đó chỉ là thủ đoạn chiến thuật (sách lược) lê-ni-nít. Như Hà Sỹ Phu đã nói (ở đoạn trên) đổi mới như thế chỉ là "trở về" với cái cũ. Trong chiều hướng đó một trong những nguyên tắc chỉ đạo mà Đại Hội VII-B vừa qua đề ra là "tiến hành cuộc đấu tranh toàn dân, toàn diện, lâu dài" chống "âm mưu và hành động "diễn biến hòa bình"'.[85] Ta có cảm tưởng nghe Trường Chinh giảng về "Chiến tranh trường kỳ", hay Tướng Võ Nguyên Giáp giảng về tính chất "toàn dân toàn diện" của "Chiến tranh nhân dân" trong những năm 1945-1950! Sau 50 năm chiến tranh, vẫn đấu tranh "toàn dân, toàn diện, lâu dài"! Trước sau vẫn như một!

Cương lĩnh của tất cả năm đại hội của ĐCSVN từ 1975 đến nay đều nhấn mạnh rằng Đảng nhất quyết kiên định đi con đường xã hội chủ nghĩa, lấy chủ nghĩa Mác-Lê-nin làm cơ sở lý luận và hành động, và ngoài đường ấy ra không có con đường nào khác. Đều này đúng, nhưng nó chỉ đúng theo nghĩa là Đảng không có con đường nào khác chỉ vì Đảng nhứt quyết theo chủ nghĩa Mác-Lê. Ngày nào Đảng còn ôm cứng chủ nghĩa này thì thế giới quan của Đảng chỉ có thể là một thế giới quan đối đầu tai hại. Tai hại lớn nhất là mọi phát triển của xứ sở bị đình trệ, đặc biệt là phát triển kinh tế, cơ sở của một đời sống tốt đẹp hơn. Nhưng nếu Đảng bỏ quyết tâm

ôm cứng chủ nghĩa Lê-nin thì trước mặt Đảng sẽ hiện ra hàng chục con đường khác đưa đến những chân trời mới trong một thế giới mới. Trong thế giới này, mê si nhường chỗ cho trí tuệ, đối đầu nhường chỗ cho hòa giải, đối thoại, và hợp tác, và dân tộc Việt Nam có thể tạo cho mình một chỗ đứng thỏa đáng trong hàng ngũ những dân tộc được hưởng hòa bình, an lạc, tự do và sung mãn.

Tuy nhiên, trong sự lựa chọn một đường lối ngoại giao khác cho Việt Nam, có hai quy tắc lớn phải được tôn trọng. Một là nếu trong quá khứ sự lựa chọn của nhóm lãnh đạo hiện tại của ĐCSVN căn cứ trên những tiêu chuẩn ý thức theo đặc hứng của một nhóm người lấy phục vụ giai cấp và cách mạng thế giới làm chủ đích, thì nay sự lựa chọn phải căn cứ trên những điều kiện địa lý chính trị (géopolitique) được cứu xét một cách khoa học và cân nhắc kỹ lưỡng, với chủ đích là phục vụ toàn thể quốc dân Việt Nam, và ưu tiên số một là phục vụ quyền lợi thiết thực của nước Việt Nam. Hai là lãnh đạo Việt Nam phải từ bỏ triết lý cực đoan của Tây phương và trở về với triết lý trung dung của Đông phương: làm cách mạng, nhưng phải trung dung trong cách mạng, không bất cập, nhưng cũng không thái quá.

T.T.T.
Ottawa
Tháng 4 năm 1994

CHÚ THÍCH

1. Đỗ Mười, "Báo cáo chính trị ... Đại Hội VII-B", *Tạp Chí Cộng Sản*, 2-1994.

2. Đảng Cộng Sản Việt Nam, *Văn Kiện Đại Hội Đại Biểu Toàn Quốc Lần Thứ VII*, Hà Nội, Nhà Xuất Bản Sự Thật, 1991, tr. 127.

3. Lê Duẩn, *Chủ Tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của Đảng ta và dân tộc ta*, Hà Nội, Nhà Xuất Bản Sự Thật, 1986, tr. 46.

4. Phạm Văn Đồng, *Chủ Tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại*, Hà Nội, Nhà Xuất Bản Sự Thật, 1970, tr. 7,8.

5. Chi tiết về điểm này, xem: Tôn Thất Thiện, "Cái đúng và cái giả dối về Hồ Chí Minh" trong *Hồ Chí Minh, Sự thật về thân thế sự nghiệp*, Paris, Nhà Sách Nam Á, tr. 53-100.

6. Hồ Chí Minh, *Tuyển Tập* (tập II: 1920-1954), "Đường Kách Mệnh", tr. 228-302, Hà Nội, Nhà Xuất Bản Sự Thật, 1980. Sau đây gọi là: HCM, Tuyển Tập.

7. Hồ Chí Minh, Toàn Tập (Tập 2), 1925-1930, tr. 300-302, Hà Nội, Nhà Xuất Bản Sự Thật, 1981. Sau đây gọi là: HCM, *Toàn Tập*.

8. - n.t. -. tr. 303.

9. - n.t. -. tr. 294.

10. Vụ Biên soạn Ban tuyên huấn trung ương, *Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam*, Tập I, Hà Nội, Nhà Xuất Bản Giáo Khoa Mác-Lê-nin, 1979, tr. 48.

11. Nguyễn Lương Bằng, "Mes rencontres avec l'Oncle Ho", trong *Avec l'Oncle Ho*, tr. 163. Hà Nội, Editions en langues étrangères, 1979.

12. Theo tiết lộ của Hoàng Văn Hoan, trong hồi ký *Giọt nước trong biển cả*, Bắc Kinh, Nhà Xuất Bản Tin Việt Nam, 1986. Sau đây gọi là: HVH, và A. Reznikov, *The Comintern and the East, Strategy and Tactics*, Moscow, Progress Publishers, 1978.

13. HCM, *Tuyển Tập I*, tr. 460-491.

14. - n.t. -

15. Trường Đảng Cao Cấp Nguyễn Ái Quốc, *Lịch Sử Đảng Cộng Sản Việt Nam*, Tập IV, tr. 163. Hà Nội, Nhà Xuất Bản Sách Giáo Khoa Mác-Lê-nin, 1986. Sau đây gọi là: LSĐCSVN.

16. HVH, tr. 328 *vkt.*
17. HCM, *Tuyển Tập I*, sđd, tr. 456.
18. HVH, tr. 357.
19. - n.t. -, tr. 357-358.
20. - n.t. -.
21. (Bộ Ngoại Giao Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam), *Sự thật về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trong 30 năm qua*, (4-10-1979), Hà Nội, Nhà Xuất Bản Sự Thật, 1979. Sau đây gọi là: BNGVN, Sự Thật ... 30 Năm.
22. Về điểm này, nên xem: Francois Joyaux, *La Chine et le règlement du premier conflit d'Indochine*, Paris, Publications de la Sorbonne, 1979; và Tôn Thất Thiện, *The Foreign Politics of the Communist Party of Vietnam*, New York, Crane and Russak, 1989, chương 6: Vietnam and China.
23. "Diễn văn khai mạc Đại Hội Đại Biểu Toàn Quốc Lần Thứ Ba Của Đảng Lao Động Việt Nam", HCM, *Tuyển Tập II*, tr. 186.
24. - n.t. -, tr. 184.
25. LSĐCSVN, Tập III, tr. 102.
26. - n.t. -, tr. 190. Về chi tiết về vụ tranh chấp Nga-Hoa, xem Tôn Thất Thiện, *sđd*, tr. 126 *vkt.*
27. - n.t. -, tr. 215.
28. - n.t. -, tr. 166, 172, 176.
29. - n.t. -"Một vài vấn đề trong nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta", tr. 265 vkt., đặc biệt là những trương 275-276, 283-284, 291, 404.
30. Xem: Lê Duẩn, *Ecrits* (1960-1975), Hanoi, Editions en langues étrangères, 1976.
31.HCM, *Tuyển Tập II*, tr. 173.
32. - n.t. -, tr. 390-391.
33. - n.t. -, tr. 394-395.
34. - n.t. -, tr. 419.
35. Đảng Cộng Sản Việt Nam, *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại Hội toàn quốc lần thứ IV*, Hà Nội, Nhà Xuất Bản Sự Thật, 1977, tr. 5-7. Sau đây gọi là: *Báo cáo Đại Hội IV.*
36. - n.t. -, tr. 23-24.
37. Lê Duẩn, *Phấn đấu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu đẹp*, Hà Nội, Nhà Xuất Bản Sự Thật, 1979, tr. 16.

38. - n.t. -, tr. 22.
39. - n.t. -, tr. 17.
40. HVH., tr. 341 *vkt.*
41. ĐCSVN, *Báo cáo chính trị IV*, tr. 168-169.
42. Về khía cạnh này, xem: Harish Kapur, *The Awakening Giant, China's Ascension in World Politics*, Alphen aan den Rijn, Sijthoff and Noorhoff, 1981, và Tôn Thất Thiện, sđd, chương 6: The CPV and China, và chương 9: The CPV and the Soviet Union.
43. ĐCSVN, *Báo cáo chính trị IV*., tr. 177.
44. Xem Bạch thư về 30 năm bang giao Việt-Trung, *Sự Thật ... 30 năm., sđd.*
45. Về tình hình kinh tế, xem: Võ Nhân Trí, *Vietnam's Economic Policy Since 1975*, Singapore, Institute of Southeast Asian Studies, 1990. Về biến chuyển chính trị, xem: Nguyễn văn Canh, *Vietnam Under Communism 1975-1982*, Stanford, CA, Hoover Institution Press, 1983.
46. Hội Người Việt Nam tại CHLB Đức, *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng ... Đại Hội V*, 4-1982, tr. 2-4 và 56-66. Sau đây gọi là: *Báo cáo chính trị V.*
47. - n.t. -.
48. - n.t. -.
49. "Văn kiện Đại Hội lần thứ VI của Đảng Cộng Sản Việt Nam", *Tạp Chí Cộng Sản 1-1987*, tr. 20. Sau đây gọi là: *Văn Kiện Đại Hội VI.*
50. Nguyễn Văn Linh, "Cách mạng tháng Mười và Cách mạng Việt Nam", *Tạp Chí Cộng Sản* số đặc biệt nhân dịp kỷ niệm lần thứ 70 Cách mạng tháng Mười Nga, in lại trong *Đổi mới để tiến lên*, Hà Nội, Nhà Xuất Bản Sự Thật, 1988, tr. 205 vkt.
51. Mikhail Gorbachev, *October and Perestroika: The Revolution Continues*, Moscow, Novosti Press Agency Publishing House, 1987.
52. *Văn Kiện Đại Hội VI*, tr. 31.
53. - n.t. -, tr. 63.
54. Nguyễn Văn Linh, *sđd*, tr. 207, 209, 210.
55. - n.t. -, tr. 213, 222.
56. *Văn Kiện Đại Hội VI*, tr. 30, 32.
57. - n.t. -, tr. 63.
58. Nguyễn Văn Linh, *sđd.*, tr. 217-223.

59. Xem chi tiết về vụ này trong Tôn Thất Thiện, "Vẫn dơn phương theo duổi chính sách hại dân hại nước", *Thông Luận*, số 42, tháng 03 năm 1992.

60. Đảng Cộng Sản Việt Nam, *Văn Kiện Đại Biểu Toàn Quốc lần thứ VII*, Hà Nội, Nhà Xuất Bản Sự Thật, 1991, tr. 109, 110, 146, 168. Sau dây gọi là: *Văn Kiện Đại Hội VII*.

61. Đỗ Mười, *Đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới vì chủ nghĩa xã hội*, Hà Nội, Nhà Xuất Bản Sự Thật, 1992, tr. 100. "Phát biểu tại Đại Hội đại biểu Hà Nội", 16.11.1991.

62. Đào Duy Tùng, trong một khóa giảng cho cán bộ cao cấp Đảng tại Học Viện Nguyễn Ái Quốc, đầu tháng 8, 1991, trong Nhà Xuất Bản Sự Thật, *Về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Hà Nội, NXBST, tr. 49.

63. Trung Tướng Đoàn Chương, "Bài học thời đại", *Tạp Chí Cộng Sản, 2-1992.*

64. Đặng Xuân Kỳ, "Bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác-Lê-nin", *Tạp Chí Cộng Sản, 11-1993.*

65. Khổng Doãn Lợi, "Phải chăng dấu tranh giai cấp là giáo điều", *Tạp Chí Cộng Sản, 5-1992.*

66. Sóng Tùng, "Vì sao chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ ?", *Tạp Chí Cộng Sản, 2-1992.*

67. Nguyễn Phú Trọng, "Vì sao Đảng Cộng Sản Liên Xô tan rã ?", *Tạp Chí Cộng Sản, 4-1992.*

68. Nhà Xuất Bản Chính Trị Quốc Gia, *Bàn về vấn đề chống diễn biến hòa bình*, Hà Nội, 1993.

69. *Sđd*, tr. 9.

70. Trung tướng Đoàn Chương, bài dã dẫn, *Tạp Chí Cộng Sản, 2-1992.*

71. Nguyễn Phú Trọng, bài dã dẫn, *Tạp Chí Cộng Sản, 4-1992.*

72. Sóng Tùng, bài dã dẫn, *Tạp Chí Cộng Sản, 2-1992.*

73. Trung tướng Lê Xuân Lựu, "Sự phá hoại về tư tưởng của các thế lực phản động trong chiến lược "diễn biến hòa bình"", *Tạp Chí Cộng Sản, 4-1993.*

74. - n.t. -

75. Đỗ Mười, bài dã dẫn, *Tạp Chí Cộng Sản, 2-1994.*

76. Lê Xuân Lựu, *bài dã dẫn.*

77. Phan Lang, *Còn hay không còn chủ nghĩa thực dân*, Hà Nội, Nhà Xuất Bản Sự Thật, 1991.
78. Hà Sỹ Phu, "Biện chứng và Nguỵ biện trong công cuộc đổi mới" trong *Đôi điều suy nghĩ của một công dân*, Phụ bản *Tin Nhà*, 1993, tr. 46.
79. - n.t. -, tr. 27.
80. Nguyễn Thanh Giang, "Đóng góp của một đảng viên", *Thông Luận*, số 67, tháng 01, 1994.
81. - n.t. -.
82. Đỗ Mười, Báo Cáo chính trị Đại Hội VII-B , *Tạp Chí Cộng Sản, 2-1994.*
83. Nguyễn Mạnh Cầm, "Trên đường triển khai chính sách đối ngoại theo định hướng mới", *Tạp Chí Cộng Sản, 4-1993.*
84. Đại Hội VII, tr. 53.
85. Như ghi chú 80.